

KINH PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY

(Itivuttaka)



Dịch giả
Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU

KINH PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY

CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Tập *Itivuttaka* (Kinh Thuyết như vậy), thuộc bộ *Khuddaka Nikāya* (Kinh Tiểu bộ) gồm có 112 kinh với các bài kệ, chia thành 4 chương: Chương một pháp, chương hai pháp, chương ba pháp, chương bốn pháp. Như vậy là sự phân loại các đề tài theo pháp số, như kiểu tập *Kinh Tăng chi bộ*. Sở dĩ được gọi là “*Itivuttaka*” (Thuyết như vậy) là vì phần lớn các kinh này đều bắt đầu với câu: “Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe”, và được kết luận với câu: “Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.” Có một số kinh ở chặng giữa không có các câu mở đầu và câu kết như thế này, nhưng đến các kinh cuối lại được ghi trở lại.

Theo truyền thống, như đã được ghi trong *Tập số* được xem là của Tôn giả Dhammapāla, Khujjuttarā, một nữ cư sĩ thường đi nghe Thế Tôn thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo, nàng ngồi sau lưng một bức màn, trở thành một bậc đa văn, nghe nhiều, giỏi về Chánh pháp và giỏi về trí tuệ. Nàng được nội cung của Vua Udena yêu cầu nói lại những điều đã được nghe, và sau khi nghe, học thuộc lòng những điều đã được nghe. Nàng được Thế Tôn khen và gọi là Đa văn đệ nhất. Theo truyền thống, chính tập *Itivuttaka* này, nàng đã được nghe và truyền tụng lại. *Tập số* có ghi rằng chúng Tỷ-kheo cũng học thuộc lòng tập kinh này, và Tôn giả Ānanda đã đọc lại bộ kinh trong kỳ kết tập thứ nhất ở Rājagaha (Vương Xá). Các kinh ở chương “Bốn pháp” dài hơn và không có kinh Hán tạng tương đương, được xem là ghi chép về sau, một số kinh trong tập này được tìm thấy trong *Kinh Tăng chi bộ* và *Puggalapaññatti* (Nhân chế định).

Về phương diện nội dung, tập *Itivuttaka* không đề cập tới đời sống đức Phật, đời sống các đại đệ tử của đức Phật như chúng ta được thấy trong tập *Udāna* (Phật tự thuyết). Tập này chú trọng nhiều hơn đến phần giáo lý căn bản, định nghĩa những pháp số, phân loại theo 4 chương: Một pháp, hai pháp, ba pháp, bốn pháp. Nói một cách khác, một số đề tài đã được lựa chọn, định nghĩa, giải thích một cách ngắn gọn để các đệ tử có thể tìm hiểu, học thuộc lòng và nắm giữ được phần căn bản trong giáo lý của đức Phật.

Kinh này không đề cập đến *Abhidhamma* (Thắng pháp), không đề cập đến các *Chuyện Tiền thân* (*Jātaka*), như vậy kinh này không thuộc về văn học

Abhidhamma và văn học *Jātaka*, hai văn học này chỉ được bắt nguồn, kết thành trong giai đoạn thứ hai là giai đoạn các học phái, từ khoảng 300 năm đến 100 năm trước kỷ nguyên. Kinh này cũng không nằm trong giai đoạn phát triển thứ ba là thời hưng khởi của Đại thừa (100 năm trước kỷ nguyên đến 100 năm sau kỷ nguyên). Như vậy, kinh này nằm trong giai đoạn đạo Phật nguyên thủy khoảng 450 năm đến 350 năm trước kỷ nguyên, khi lời dạy của đức Phật chưa bị pha trộn, xen lẫn bởi những phát triển về sau.

Nói về đức Phật hiện tại và rộng hơn nữa, nói về Như Lai (*Tathāgata*), chúng ta sẽ thấy đức Phật chưa được thần thánh hóa, chưa dùng thần thông để hóa độ chúng sanh. Như Lai được diễn tả như một bậc đã giác ngộ thế giới: Thế giới tập khởi, thế giới đoạn diệt, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.

“Này các Tỷ-kheo, thế giới được Như Lai chánh đẳng giác. Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai chánh đẳng giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác; con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai đã tu tập.

Cái gì, này các Tỷ-kheo, trong toàn thể giới với thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người được thấy, được nghe, được thọ tướng, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm nhập Niết-bàn, không có dư y, trong thời gian ấy điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên, tất cả là như vậy, không có khác được, do vậy được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Chiến Thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai.” (*It. IV. §13*)

Hình ảnh Như Lai là vậy, hình ảnh Thế Tôn không có khác hơn, ở đây Thế Tôn tượng trưng cho Pháp, và những ai thấy Pháp người ấy mới gần Thế Tôn, như *It. III. V. §3* nêu rõ: “Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viên y Tăng-già-lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng tham sâu dày, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại, vị ấy xa hẵn Ta và Ta xa vị ấy. Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp, do không thấy Pháp nên không thấy Ta. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến 100 do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với

lòng tham không sắc sảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì có sao? Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp, do thấy Pháp nên thấy Ta.”

Trong *It. IV. §1*, chính đức Phật tự tả mình như sau: “Nay các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, Người được đến yêu cầu (*yācayogo*), tay luôn luôn thanh tịnh (*payatapāni*), mang thân cuối cùng (*antimadehadharo*), Vô thượng y sĩ chữa trị (*Anuttaro Bhisakko*), Y sĩ giải phẫu (*Sallakatta*). Các người thật là con của Ta, từ miệng sanh, từ pháp sanh, từ pháp tạo thành, thừa tự pháp, không thừa tự tài vật!” Đức Phật tự xưng là “Y sĩ chữa trị”, tự xưng là “Y sĩ giải phẫu.” Ngài xem các đệ tử như con của Ngài “từ miệng sanh”, “từ pháp sanh”, là những con cháu “thừa tự pháp”, đâu đâu cũng thấy vai trò trọng yếu của Chánh pháp, vì đức Phật là tượng trưng cho Pháp, từ miệng mình thuyết pháp độ chúng sanh.

Rõ hơn nữa là sự xác nhận hai loại thuyết pháp của đức Phật, như *It. II. II. §2* đã nêu rõ: “Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai? Hãy thấy ác là ác, đây là thuyết pháp thứ nhất. Sau khi thấy ác là ác, ở đây hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly, đây là thuyết pháp thứ hai.”

Đức Phật đã là đức Phật nguyên thủy, thời mục đích của sự tu hành, sự cứu cánh của Phạm hạnh và mục tiêu giải thoát giác ngộ là những mục tiêu trung thành với giáo pháp chánh thống nguyên thủy.

Mục đích của đạo Phật là giải quyết vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, tức là chấm dứt sự đau khổ cho con người. Và đoạn kinh sau đây xác chứng rằng sự đau khổ có thể được chấm dứt và trạng thái đau khổ được chấm dứt là Niết-bàn. Dưới đây là định nghĩa của Niết-bàn ấy trong *It. II. II. §7*:

“Nay các Tỷ-kheo, có hai Niết-bàn giới này. Thế nào là hai? Niết-bàn giới có dư y và Niết-bàn giới không có dư y.

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới có dư y? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại. Ngang qua các căn ấy, vị ấy hưởng thọ khả ý, không khả ý, vì rằng tự ngã không có thương hại nên cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới có dư y.

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới không có dư y? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối với vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lắng dịu. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới không có dư y.”

Một kinh nữa, *It. II. II. §6* xác nhận sự hiện diện của trạng thái giải thoát này ngay trong đời hiện tại, có mặt trên quả đất này: “Này các Tỷ-kheo, có hai cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thì ở đây không có thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra.” Ở đây, có hai nhận xét quan trọng. Đức Phật khi nhập Niết-bàn có dư y ở Kusināra, không phải là mất hẳn, tiêu diệt hoàn toàn, vì như vậy là theo thuyết “Đoạn diệt”, đạo Phật không chấp nhận. Ở đây, tham sân si không còn, lạc thọ khổ thọ không khởi lên, mọi cảm thọ đều lắng dịu, mát lạnh, thanh lương. Nhận xét quan trọng thứ hai là sự đau khổ có thể đoạn diệt ngay trong đời sống hiện tại với những vị đã chứng quả A-la-hán. Và dầu chưa chứng được quả A-la-hán, nếu hành trì theo lời Phật dạy thì có thể đoạn trừ dần dần các sự khổ đau.

Vấn đề quan trọng thứ hai, mục đích giải thoát và giác ngộ là những pháp môn giúp người tu hành đạt đến mục đích đoạn tận khổ đau. Chúng ta sẽ thấy pháp môn tuy nhiều, nhưng không bao giờ ra ngoài pháp môn Giới Định Tuệ, pháp môn duy nhất để đưa người hành trì đoạn tận khổ đau.

“Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có giới tốt lành (*kalyāṇasīlo*), có pháp tốt lành (*kalyāṇadhammo*), có tuệ tốt lành (*kalyāṇapañño*), được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo (*kevalī*).

Này các Tỷ-kheo, thế nào là có giới tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

Và thế nào là có pháp tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chuyên chú tu tập bảy pháp giác chi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là có tuệ tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do diệt trừ các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một Tỷ-kheo có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo.” (*It. III. V. §8*)

Cũng theo chiều hướng trên, ba hình ảnh được phát họa diễn tả ba hạng người, tùy theo mức độ đối trị với dục và hữu: “Này các Tỷ-kheo, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của dục, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, là

những bậc đến lại, đi đến lại, có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, này các Tỷ-kheo, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, những vị ấy là hạng Bất lai, không trở lui lại, có mặt ở đây. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, chế ngự được sự trói buộc của hữu, những vị ấy là những bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc.” (It. III. V. §7)

Tiếp theo là một số phương pháp tu học, một nếp sống đưa đến hai quả là Chánh trí hay nếu có dư y thời được quả Bất lai, những quả cao nhất trong con đường tu hành, nghĩa là đoạn tận được khổ đau.

“Này các Tỷ-kheo, hãy sống ưa muốn ẩn dật thiên tịnh, thích thú ẩn dật thiên tịnh, chuyên chú nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiên định, thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống...” (It. II. II. §8)

“Này các Tỷ-kheo, hãy an trú vào lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho lời cây giải thoát, cho niệm được tăng thượng...” (It. II. II. §9)

“Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống cảnh giác, chánh niệm, tỉnh giác, thiên định, hoan hỷ, tín thành, và ở đây, quán tri đúng thời trong các pháp thiện...” (It. II. II. §10)

Những vị thực hành theo pháp môn này thời có hy vọng đoạn trừ được khổ đau.

Đức Phật còn dạy các Tỷ-kheo làm thế nào để đối trị ba cảm thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ: “Này các Tỷ-kheo, lạc thọ cần phải được xem như là khô. Khổ thọ cần phải được xem như là mũi tên. Bất khổ bất lạc thọ cần phải được xem như là vô thường. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khô, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là bậc Thánh đã chon chánh thấy, đã chặt đứt ái, đã giải tỏa kiết sử, đã chon chánh thẳng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.” (It. III. I. §4)

“Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng; tâm không trú trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố; sẽ không có sự sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.” (It. III. V. §5)

“Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: ‘Đây là khổ’, không như thật quán tri: ‘Đây là khổ tập’, không như thật quán tri: ‘Đây là khổ diệt’, không như thật quán tri: ‘Đây là con đường đưa đến khổ diệt’; những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không tự mình với thẳng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo như thật quán tri: ‘Đây là khổ’, như thật quán tri: ‘Đây là khổ tập’, như thật quán tri: ‘Đây là khổ diệt’, như thật quán tri: ‘Đây là con đường đưa đến khổ diệt’, thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh” (*It. IV. §4*).

(Lời Giới thiệu Kinh Phật thuyết như vậy, năm 1978 và 1982)



DẪN LUẬN KINH PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY (*ITIVUTTAKA*)

1. Về từ ngữ

Chữ “*iti-vuttaka*” trong tiếng Pāli và “*iti-vṛttaka*” trong tiếng Sanskrit có nghĩa là “điều được thuyết như vậy”, “lời được đức Phật dạy như thế này” (*as it was said, thus was said, this was the Buddha said*). Đây là tổ hợp từ có nghĩa là “điều được nói”, “lời được thuyết” hay “lời dạy” (P. *vuttam*, S. *vṛttam*, *it was said, what was said, saying*) và “như vậy”, “rằng” hay “như thế này” (P. *iti*, S. *ity*, *thus, in this way*) từ đức Phật.

Trung Hoa thường dịch: “*Như thị ngữ*” (如是語), có nghĩa là “Phật nói như vậy”, hay đầy đủ hơn là “*Như thị ngữ kinh*” (如是語經), hay “*Như thị ngôn thuyết*” (如是言說), tức “*Lời nói như vậy*”, có nghĩa là “*Đức Phật tuyên thuyết như vậy*” (佛陀如此宣說), “*Đức Phật đã dạy như vậy*” (佛是這樣說的), hay “*Kinh Phật nói như vậy*” (佛陀如此宣說經),¹ hoặc “*Phật đã nói như vậy*” (佛如是言說), hoặc “*Tôi nghe những lời sau đây từ đức Thế Tôn*” (吾從世尊，聞如是語).

Thi thoảng, các dịch giả Trung Hoa dịch *Itivuttaka* là “*Bốn sự kinh*” (本事經)² và giải thích “*Việc này quá khứ đã từng như vậy*” (此事過去如是). Dịch ngữ này dễ bị gây ngộ nhận là tương đồng với “*Bốn sanh*” (*Jātaka*, tiền thân đức Phật). Trên thực tế, hai dịch ngữ có nghĩa hoàn toàn khác biệt. Các dịch từ sát nghĩa trong chữ Hán của *Itivuttaka* là “*Như thị chi sự*” (如是之事) tức “*Sự việc như vậy*”, hay “*Xuất nhân duyên*” (出因緣), có nghĩa là “*Nêu ra nhân duyên*.” Phiên âm trong Hán Việt có các từ thông dụng

¹ Tham chiếu: *Đại Tỳ-bà-sa luận*, quyển 126 (大毗婆沙論卷一二六), *Thành thật luận*, quyển 1 (成實論卷一), *Du-già sư địa luận*, quyển 25 (瑜伽師地論卷二十五), *Hiển dương Thánh giáo luận*, quyển 6, quyển 12 (顯揚聖教論卷六, 卷十二).

² *Đại tập pháp môn kinh* 大集法門經 (T.01.0012. 0227b26) đã nêu 9 thể loại văn học và *Itivuttaka* được dịch là “*Bốn sự*” như đoạn kinh sau: “Chư Bát-sô! Đương tri Phật sở tuyên thuyết, vị Khê kinh, Kỳ-dạ, Ký biệt, Già-đà, Bốn sự, Bốn sanh, Duyên khởi, Phương quảng, Hy pháp” (諸苾芻！當知佛所宣說，謂契經，祇夜，記別，伽陀，本事，本生，緣起，方廣，希法). *Diệu Pháp Liên Hoa kinh* 妙法蓮華經 (T.09. 0262.1. 0007c25) cũng ghi: “Hoặc thuyết Tu-đa, Già-đà cập Bốn sự, Bốn sanh, Vị tăng hữu, diệc thuyết ư Nhân, Thí dụ tịnh Kỳ-dạ, Ưu-ba-đê-xá kinh” (或說修多，伽陀及本事，本生未曾有，亦說於因，譬喻并祇夜，優波提舍經).

như sau: “Y-đế-việt-đa-già” (伊帝越多伽), “Nhất-mục-đa-ca” (一目多迦), “Nhất-trúc-đa” (一筑多).³

Khái niệm “*Kinh Phật thuyết như vậy*” vốn là bản sắc kinh điển Phật giáo, bắt đầu của các bài kinh thường có câu của Ngài Ānanda tường thuật như sau: “*Vuttaṃ hetam bhagavatā vuttaṃ arahatāti me sutam*” có nghĩa là “*Đây là những lời tôi nghe đức Thế Tôn, bậc A-la-hán từng dạy như vậy.*” Hoặc câu tương tự, “*Etam attham bhagava avoca, tatth’etam iti vuccati*”, có nghĩa là “*Đây rõ ràng là nghĩa lý do đức Thế Tôn tuyên giảng như vậy*”, cũng như câu “*Ayampi attho vutto bhagavatā, iti me sutam*” có nghĩa là “*Đây là nghĩa lý do đức Thế Tôn giảng, tôi đã được nghe.*”

2. Về các bản dịch tiếng Anh

Dưới đây là 3 bản dịch tiếng Anh tiêu biểu, cần tham khảo về nội dung của bản văn này:

- F. L. Woodward là người đầu tiên dịch và xuất bản *Kinh Phật nói như vậy* đăng trong quyển “*Udāna in Minor Anthologies of the Pāli Canon*” (*Kinh Phật tự thuyết trong tuyển tập ngắn thuộc kinh điển Pāli*), vol. II (London, 1935).

- John Ireland, *The Buddha’s Sayings (Lời Phật dạy)* (USA, 1999).⁴

- Thanissaro Bhikkhu (tr.), *This Was Said by the Buddha (Đây là những điều Phật dạy)* (USA, 2001).⁵

Đối với 12 bản dịch bằng các ngôn ngữ ngoài tiếng Anh, độc giả có thể xem tại trang nhà suttacentral.net.⁶

3. Về nguồn gốc, vị trí trong văn học Pāli

Khái niệm “*Kinh Phật nói như vậy*” là tên gọi của 1 trong 9 thể tài kinh trong văn học Pāli và 1 trong 12 thể tài văn học Phật giáo Đại thừa. Đây là tuyển tập 112 bài kinh ngắn (*short discourses*).

Cũng như các bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ*, *Kinh Phật thuyết như vậy* được truyền miệng trong nhiều thế kỷ sau khi đức Phật nhập Niết-bàn cho đến khoảng thế kỷ III TTL mới được ấn hành chính thức.

Về nguồn gốc, tuyển tập này ra đời nhờ vào sự chú tâm lắng nghe, học thuộc và trùng tuyên của tín nữ Khujjuttarā⁷ vốn là thị nữ của Hoàng hậu Sāmāvatī

³ Tham chiếu mục từ “Y-đế-việt-đa-già” (伊帝越多伽) trong *Phật học đại từ điển* (佛學大辭典): 梵語 *iti-vṛttaka* 或 *ity-uktaka*, 巴利語 *itivuttaka*. 又作伊帝越多伽, 伊帝目多伽, 一目多迦, 一筑多. 意譯本事, 出因緣, 如是語經, 此事過去如是.

⁴ <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/iti/iti.intro.irel.html/> (truy cập ngày 14/2/2021).

⁵ <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/iti/iti-tha.pdf/> (truy cập ngày 14/2/2021).

⁶ <https://suttacentral.net/iti/> (truy cập ngày 13/2/2021).

⁷ Về cuộc đời của tín nữ Khujjuttarā, hãy xem bài viết này: <https://www.wisdomlib.org/definition/khujjuttara/> (truy cập ngày 14/2/2021).

và cũng là nữ cư sĩ xuất sắc nhất của đức Phật về tâm từ bi.⁸ Theo truyền thống Chú giải Pāli, vị tín nữ này đã chứng quả Dự lưu, có công dẫn dắt nhiều mệnh phụ phu nhân tại Kosambī làm đệ tử đức Phật. Hoàng hậu Sāmāvatī, vợ của Vua Udena nước Kosambī, do bận việc trong hoàng cung, không thể đích thân đến nghe đức Phật giảng chân lý, đã sai thị nữ Khujjuttarā đi nghe pháp và về thuật lại cho Hoàng hậu và 500 thị nữ khác cùng nghe.

Bhikkhu Thanissaro trong bản dịch tiếng Anh “*This Was Said by the Buddha*” (Đây là những điều được Phật dạy), đã cung cấp thông tin thú vị về bản dịch của Ngài Huyền Trang: “Đại tạng kinh Trung Quốc có chứa bản dịch Kinh Phật thuyết như vậy, được xem là của Ngài Huyền Trang, rất giống với bản văn Pāli của Kinh Phật thuyết như vậy. Khác biệt căn bản chính là chương III-IV trong bản Pāli bị tính lược trong bản dịch của Huyền Trang. Dù hai chương này là phần thêm vào sau này trong bản Pāli nhưng chắc chắn không phải thêm mới trong bản Sanskrit do Ngài Huyền Trang chọn dịch, hoặc có thể bản văn Sanskrit không hoàn chỉnh, hoặc cũng có thể bản dịch của Ngài Huyền Trang chưa dịch hoàn tất (bản dịch này diễn ra vào những tháng cuối đời của Ngài Huyền Trang).”⁹

Tuy nhiên, giả định Ngài Huyền Trang chưa dịch hoàn tất vì đây là bản dịch cuối đời thì không có sức thuyết phục. Theo Khai nguyên Thích giáo lục, Kinh Bốn sự được Ngài Huyền Trang dịch vào niên hiệu Vĩnh Huy thứ nhất (650).¹⁰ Đây là giai đoạn làm việc thuận lợi và hiệu quả nhất của Ngài Huyền Trang, vì sự nghiệp dịch kinh vừa mới được 3 năm, do đó bản kinh này không thể dịch dang dở được. Mãi đến 14 năm sau, Ngài mới viên tịch (664). Bản kinh Ngài dịch cuối đời là Đại bảo tích, từ quyển 35 đến quyển 54 và bộ này dài tới 120 quyển.

4. Về cấu trúc bản văn và tính văn học

Kinh Phật thuyết như vậy giống với cấu trúc pháp số của Kinh Tăng chi bộ, bắt đầu bằng pháp số 1 và kết thúc với pháp số 4. Nếu Kinh Tăng chi bộ có cấu trúc văn xuôi, theo sau là đoạn thi kệ trùng tụng lại nội dung ở trên thì trong Kinh Phật thuyết như vậy, nhiều đoạn thi kệ cung cấp thêm nội dung mới, không có trong các đoạn văn xuôi bên trên.

⁸ Tham chiếu các kinh và bản chú giải sau đây: A. I. 26; DhA. I. 208ff; AA. I. 226, 237f; ItA. 23f; PsA. 498f.

⁹ Nguyên tác tiếng Anh: Bhikkhu Thanissaro, *This Was Said by the Buddha* (USA, 2001): “The Chinese canon contains a translation of an Itivuttaka, attributed to Hsüan-tsang, that strongly resembles the text of the Pali Itivuttaka, the major difference being that parts of the Group of Threes and all of the Group of Fours in the Pali are missing in Hsüan-tsang’s translation. Either these parts were later additions to the text that found their way into the Pali but not into the Sanskrit version translated by Hsüan-tsang, or the Sanskrit text was incomplete, or Hsüan-tsang’s translation was left unfinished (it dates from the last months of his life).”

¹⁰ 開元釋教錄 (T.55. 2154.8. 0557a03): 本事經七卷 (見內典錄永徽元年年九月十日於大慈恩寺翻經院譯至十一月八日畢沙門靜邁神昉等筆受).

Bản văn này gồm 112 bài được phân thành 4 chương (*nipāta*), 10 phẩm (*vagga*), mỗi phẩm gồm 7 hoặc 10, 12, 13 bài kinh ngắn. Ấn bản tiếng Anh của Hội Thánh điển Pāli giữ nguyên cấu trúc nhóm bài với pháp số 1 đến pháp số 4, đặt thứ tự từ bài 1-112. Nhiều bài kinh ngắn trong bản văn này được trích dẫn từ *Kinh Tăng chi bộ*, đang khi có một số bài có nội dung độc lập.

Mặc dù phần lớn các bài thi kệ có nội dung mới so với đoạn văn xuôi không dài lắm, nhưng cũng có vài thi kệ dài có nội dung được bổ sung phần văn xuôi chẳng hạn như *It. III. II. §4*. Có vài trường hợp, phần thi kệ lặp lại toàn bộ nội dung văn xuôi như *It. I. II. §5*, *It. IV. §6*; hoặc thay đổi rất ít giữa văn xuôi và thi kệ như *It. I. I. §1-6*.

Ngoài các bài kệ có tính thi vị văn học cao như *It. II. II. §12*, *It. III. V. §10*. *Kinh Phật nói như vậy* có nhiều ẩn dụ sâu sắc, điển hình theo thứ tự như *It. II. II. §1*, *It. III. I. §1*, §10, *It. III. II. §10*, *It. III. III. §5-7*, §9, *It. III. IV. §7*, §10, *It. III. V. §2-3*; các ngụ ngôn hay như *It. I. III. §7*, *It. II. II. §9*, *It. III. II. §3*, §8-10, *It. III. IV. §3*; *It. IV. §10*.

5. Về nội dung

Bản văn này chứa đựng lời Phật dạy với phạm vi rộng, từ cách diễn đạt đơn giản nhất cho đến cách mô tả triết lý thâm sâu nhất, theo một cách thức có thể tiếp cận được trong từng chủ đề.¹¹

Về mặt định thứ tự các bài kinh trong tuyển tập này, 112 bài kinh ngắn trong bản văn được viết tắt bằng ký hiệu *It.* theo sau là con số thứ tự của chương, tiếp theo là số thứ tự của phẩm và thứ tự của bài kinh. Ví dụ, *It. I. I. §1-10* được hiểu là các bài kinh từ thứ tự 1-10 thuộc phẩm I, chương I của *Kinh Phật thuyết như vậy*.

Chương thứ nhất (*Ekakanipāta*, 一集) có 27 bài kinh.

Đức Phật khuyên từ bỏ tham ái (*Kinh Tham ái (Lobhasutta)*, *It. I. I. §1*), từ bỏ sân hận (*Kinh Sân hận (Dosasutta)*, *It. I. I. §2*), từ bỏ si mê (*Kinh Si mê (Mohasutta)*, *It. I. I. §3*), từ bỏ phần nộ (*Kinh Phần nộ (Kodhasutta)*, *It. I. I. §4*), từ bỏ gièm pha (*Kinh Gièm pha (Makkhasutta)*, *It. I. I. §5*), từ bỏ sự cao ngạo (*Kinh Kiêu mạn (Mānasutta)*, *It. I. I. §6*), cho đến khích lệ mọi người cần biết rõ tất cả (*Kinh Liễu tri tất cả (Sabbapariññāsutta)*, *It. I. I. §7*), biết rõ sự cao ngạo (*Kinh Liễu tri kiêu mạn (Mānapariññāsutta)*, *It. I. I. §8*), biết rõ lòng tham (*Kinh Liễu tri tham ái (Lobhapariññāsutta)*, *It. I. I. §9*) và biết rõ sân hận (*Kinh Liễu tri sân hận (Dosapariññāsutta)*, *It. I. I. §10*) để từ bỏ các tâm lý và thái độ tiêu cực này.

¹¹ Tham chiếu đoạn nhận xét sau đây, Bhikkhu Thanissaro, *This Was Said by the Buddha* (USA, 2001): “Whatever the history of the text, though, it has long been one of the favorite collections in the Pāli canon, for it covers a wide range of the Buddha’s teachings, from the simplest to the most profound, in a form that is accessible, appealing, and to the point.”

Đức Phật khuyên mọi người nên thắng tri và liễu tri các đối tượng cụ thể sau đây: Sự si mê (*Kinh Liễu tri si mê (Mohapariññāsutta)*, It. I. II. §1), sự phần nộ (*Kinh Liễu tri phần nộ (Kodhapariññāsutta)*, It. I. II. §2), sự gièm pha (*Kinh Liễu tri gièm pha (Makkhapariññāsutta)*, It. I. II. §3), trói buộc của vô minh (*Kinh Vô minh triển cái (Avijjānīvaranasutta)*, It. I. II. §4), trói buộc của tham ái (*Kinh Ái kiết sử (Taṇhāsamyojanasutta)*, It. I. II. §5), tác ý như thật (*Kinh thứ nhất về hữu học (Paṭhamasekhasutta)*, It. I. II. §6), làm bạn với người thiện (*Kinh thứ hai về hữu học (Dutiyasekhasutta)*, It. I. II. §7), hậu quả xấu của phá hoại hòa hợp Tăng (*Kinh Phá hòa hợp Tăng (Saṅghabhedasutta)*, It. I. II. §8), lợi ích của hòa hợp Tăng (*Kinh Hòa hợp Tăng (Saṅghasāmaggīsutta)*, It. I. II. §9) và tâm độc ác (*Kinh Tâm độc ác (Paduṭṭhacittasutta)*, It. I. II. §10).

Đức Phật khuyên mọi người phát triển: Tâm thuần tịnh chói sáng (*Kinh Tịnh thiện (Pasannacittasutta)*, It. I. III. §1), tâm từ (*Kinh Tâm từ (Mettasutta)*, It. I. III. §2), không phóng dật (*Kinh Hai lợi ích (Ubhayatthasutta)*, It. I. III. §3), nhiều lợi ích của việc hiểu bốn chân lý Thánh (*Kinh Đổng xương (Atṭhipuñjasutta)*, It. I. III. §4), đức Phật nói về kẻ nói láo sẽ làm nhiều việc ác (*Kinh Nói láo (Musāvādasutta)*, It. I. III. §5), người bố thí được quả phúc (*Kinh Bố thí (Dānasutta)*, It. I. III. §6), sự phát triển lòng từ đưa đến tâm giải thoát (*Kinh Tu tập tâm từ (Mettābhāvanāsutta)*, It. I. III. §7).

Chương thứ hai (Dukanipāta, 二集) có 22 bài kinh.

Đức Phật giải thích về các hậu quả của việc không bảo vệ các giác quan và ăn uống vô độ (*Kinh Trú khổ (Dukkhavihārasutta)*, It. II. I. §1), lợi ích của việc làm chủ giác quan và tiết độ trong ăn uống (*Kinh Trú lạc (Sukhavihārasutta)*, It. II. I. §2), hậu quả xấu của việc không làm thiện và ngoan cố với việc ác (*Kinh Làm cho hối hận (Tapanīyasutta)*, It. II. I. §3), lợi ích của việc làm điều thiện và bèn bi với việc làm thiện (*Kinh Không làm cho hối hận (Atapanīyasutta)*, It. II. I. §4), tác hại của ác giới và ác kiến (*Kinh thứ nhất về giới (Paṭhamasīlasutta)*, It. II. I. §5), lợi ích của giới hiền thiện và kiến hiền thiện (*Kinh thứ hai về giới (Dutiyasīlasutta)*, It. II. I. §6), lợi ích của sự nhiệt tình và sợ hãi tội lỗi (*Kinh Nhiệt tâm (Ātāpīsutta)*, It. II. I. §7), sống Phạm hạnh không lừa dối và lợi dưỡng (*Kinh thứ nhất về không lừa dối (Paṭhamanakuhanasutta)*, *Kinh thứ hai về không lừa dối (Dutiyanakuhanasutta)*, It. II. I. §8-9), phần khởi với việc tốt và siêng năng với phần khởi (*Kinh Nhiều hy lạc (Somanassasutta)*, It. II. I. §10).

Lợi ích của sống ăn dật và không làm hại ai đều là loài động vật hay không phải động vật (*Kinh Suy tầm (Vitakkasutta)*, It. II. II. §1); nhằm chán cái ác và từ bỏ cái ác (*Kinh Thuyết pháp (Desanāsutta)*, It. II. II. §2); tác hại của không biết xấu hổ và không sợ hãi tội lỗi (*Kinh Minh (Vijjāsutta)*, It. II. II. §3); khổ đời này và đời sau do từ bỏ trí tuệ (*Kinh Thối đọa khỏi trí tuệ (Paññāparihīnasutta)*, It. II. §4); lợi ích của tâm xấu hổ và sợ hãi tội lỗi (*Kinh Pháp thanh tịnh (Sukkadhammasutta)*, It. II. II. §5); cái không sanh và không

hiện hữu (*Kinh Không sanh (Ajātasutta)*, It. II. II. §6); Niết-bàn khi còn sống và Niết-bàn sau khi viên tịch (*Kinh Niết-bàn giới (Nibbānadhātusutta)*, It. II. II. §7); thích thiền tịnh và chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ (*Kinh Thiền tịnh (Paṭisallānasutta)*, It. II. II. §8); tu học để tăng trưởng trí tuệ và được giải thoát (*Kinh Lợi ích của học tập (Sikkhānisamsasutta)*, It. II. II. §9); được trí tuệ ở hiện tại và chứng quả Bất lai nhờ tu chánh niệm (*Kinh Tỉnh thức (Jāgariyasutta)*, It. II. II. §10); bị đọa lạc vào khổ cảnh do cho rằng hạnh Thánh là xấu và hạnh bất tịnh cho là hạnh Thánh (*Kinh Đọa lạc vào khổ cảnh (Āpāyikasutta)*, It. II. II. §11); tác hại của việc chấp chặt vào tà kiến và cực đoan trong sự lo âu, xấu hổ, nhầm chán với sanh hữu (*Kinh Tà kiến (Diṭṭhigatasutta)*, It. II. II. §12).

Đức Phật dạy về ba tâm tư xấu gồm tâm tư tự đề cao mình, tâm tư liên hệ lợi dưỡng và tâm tư liên hệ đến lo lắng cho người khác (*Kinh Suy tầm (Vitakkasutta)*, It. III. IV. §1); ba hạng người gồm người bị cung kính chinh phục, người không bị cung kính chinh phục và người vượt lên cả hai (*Kinh Cung kính (Sakkārasutta)*, It. III. IV. §2); ba người cao quý gồm người xuất gia vì lý tưởng, người chuyên tu bảy yếu tố giác ngộ và người dứt các phiền não (*Kinh Tiếng nói của chư thiên (Devasaddasutta)*, It. III. IV. §3); năm tướng xuất hiện trước lúc chết của một vị thiên gồm vòng hoa úa, quần áo dơ, mồ hôi chảy từ nách, thân xấu đi, thiên nhân không hoan hỷ tại chỗ ngồi chư thiên (*Kinh Năm tướng xuất hiện trước (Pañcapubbanimittasutta)*, It. III. IV. §4); ba hạng người đem lại lợi ích cho chư thiên và loài người là đức Phật, Thánh A-la-hán và người đang đi trên con đường Thánh (*Kinh Lợi ích cho nhiều người (Bahujanahitasutta)*, It. III. IV. §5); quán sự bất tịnh của thân, chánh niệm với hơi thở và quán vô thường với mọi sự vật (*Kinh Tùy quán bất tịnh (Asubhānupassīsutta)*, It. III. IV. §6); thực hành đúng chân lý, nói đúng chân lý và suy tư đúng chân lý (*Kinh Tuân tữ hành trì giáo pháp (Dhammānudhammapaṭipannasutta)*, It. III. IV. §7); tác hại của dục tâm, sân tâm và hại tâm (*Kinh Tác thành mù (Andhakaranasutta)*, It. III. IV. §8); tham sân si là nội uế, nội thù, nội đối thù, nội sát nhân, nội thù địch (*Kinh Cấu uế trong thân (Antarāmalasutta)*, It. III. IV. §9); ba điều làm sa đọa gồm bị ác dục chinh phục, tâm bị uế nhiễm, chơi với bạn ác (*Kinh Devadatta (Devadattasutta)*, It. III. IV. §10).

Đức Phật dạy ba sự thành tín tối thượng gồm thành tín với đức Phật, thành tín với lý tham và thành tín với Tăng đoàn (*Kinh Tín thành tối thượng (Aggappasādasutta)*, It. III. V. §1); xem việc khát thực để sống là vì lý tưởng muốn chấm dứt toàn bộ khổ uẩn, thành tựu giác ngộ giải thoát, không phải vì bất kỳ nguyên nhân thấp kém nào cho rằng việc khát thực như một nghề nuôi sống (*Kinh Nghề nuôi sống (Jīvikasutta)*, It. III. V. §2); có ba điều gần và xa Phật gồm gần Phật qua pháp y nhưng xa Phật vì chưa dứt tham ái, không thấy pháp nên không thấy Phật, gần Phật qua chánh niệm tỉnh thức (*Kinh Viên y Tăng-già-lê (Saṅghāṭikaṇṇasutta)*, It. III. V. §3); ba loại lửa gồm lửa tham, lửa

sân và lửa si (*Kinh Lửa (Aggisutta)*, It. III. V. §4); cách quán sát để thức không tán loạn trước ngoại trần, để tâm không trú trước nội trần và không có sự sanh khởi, tập khởi của khổ (*Kinh Quán sát (Upaparikkhasutta)*, It. III. V. §5); ba loại dục gồm dục với sự vật hiện tại, dục với sự vật do mình tạo ra và chấp nhận sự vật do người khác tạo ra (*Kinh Dục sanh khởi (Kāmūpapattisutta)*, It. III. V. §6); ba trường hợp gồm trói buộc của dục, trói buộc của hiện hữu và không còn bị trói buộc bởi dục và hiện hữu (*Kinh Trói buộc của dục (Kāmayogasutta)*, It. III. V. §7); vị toàn hảo là vị có đạo đức tốt, pháp đưa đến giác ngộ và thành tựu tuệ giác (*Kinh Giới tốt lành (Kalyāṇasīlasutta)*, It. III. V. §8); bồ thí pháp tối thượng hơn bồ thí tài, phân phát pháp tối thượng hơn phân phát tài và tăng trưởng pháp tối thượng hơn tăng trưởng tài (*Kinh Bồ thí (Dānasutta)*, It. III. V. §9); ba tuệ giác đó là nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và chi tiết; với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy rõ sự sống và chết của chúng sanh, sự may mắn hay bất hạnh, đẹp hay xấu đều do hạnh nghiệp của mỗi chúng sanh; do diệt tận các lậu hoặc trong hiện tại, tự mình với thắng trí thành tựu Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát (*Kinh Ba minh (Tevijjasutta)*, It. III. V. §10).

Chương thứ tư (*Catukkanipāta*, 四集) có 13 bài kinh.

Đức Phật dạy về bốn ưu thế gồm bồ thí Pháp hơn bồ thí vật chất, phân phát Chánh pháp, tăng trưởng Chánh pháp và thừa kế Chánh pháp (*Kinh Pháp tế tự Bà-la-môn (Brāhmaṇadhammayāgasutta)*, It. IV. §1); biết đủ với bốn pháp đơn giản, dễ được, không phạm lỗi đó là mặc y phần tảo, đi khát thực từng miếng, nghỉ dưới gốc cây, dùng nước tiểu làm thuốc (*Kinh Được lợi dễ dàng (Sulabhasutta)*, It. IV. §2); bốn chân lý Thánh gồm khổ đau, nguyên nhân khổ đau, Niết-bàn và con đường dứt khổ (*Kinh Diệt tận lậu hoặc (Āsavakkhayasutta)*, (*Kinh Sa-môn hay Bà-la-môn (Samaṇabrāhmaṇasutta)*, It. IV. §3-4); sự đầy đủ gồm đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ tri kiến về giải thoát (*Kinh Đầy đủ giới (Sīlasampannasutta)*, It. IV. §5); bốn nhân sanh khởi của ái gồm ái do y phục, ái do thức ăn, ái do sàng tọa, ái do hiện hữu (*Kinh Ái sanh (Taṇhuppādasutta)*, It. IV. §6); con cái hiếu kính với cha mẹ thì gia đình đó được xem bằng với Phạm thiên, Đạo sư thời xưa, đó là những vị đáng được cúng dường, tôn trọng (*Kinh Có Phạm thiên (Sabrahmakasutta)*, It. IV. §7). Đức Phật dạy gia chủ hữu ích là người biết cúng dường bốn vật dụng, Tăng sĩ hữu ích là vị biết giảng Phật pháp (*Kinh Rất có lợi ích (Bahukārasutta)*, It. IV. §8); Tăng sĩ không đủ chuẩn gồm người lừa đảo, ngoan cố, lấm mồm, buông thả, hỗn hào, vô lễ và không định tĩnh (*Kinh Lừa đảo (Kūhasutta)*, It. IV. §9); tham ái ví như dòng sông, sáu nội xứ được ví là sắc dễ thương, năm hạ phần kiết sử như cái hồ, phần nộ và ưu não như sóng trên nước, năm dục như nước xoáy, phụ nữ như cá sấu và quỷ dạ-xoa, ngược dòng là sự xuất ly, tinh tấn như tay chân, Phật như người có mắt đứng trên bờ (*Kinh Dòng sông (Nadīsotasutta)*, It. IV.

§10); người bị dục tâm, sân tâm, hại tâm chi phối và người biết sợ hãi không để ba tâm cầu trên chi phối (*Kinh Hành (Carasutta)*, It. IV. §11); đầy đủ giới hạnh, từ bỏ năm chướng ngại của tâm, tinh tấn, chánh niệm, khinh an và nhất tâm (*Kinh Đầy đủ giới (Sampannasīlasutta)*, It. IV. §12); đức Phật không hệ lụy với đời, thế giới tập khởi được Phật chấm dứt, con đường dứt khổ được Phật khám phá và Phật tu tập con đường dứt khổ (*Kinh Thế giới (Lokasutta)*, It. IV. §13).

Dù chủ đề của *Kinh Phật thuyết như vậy* rất đa dạng, nhưng chủ đề chính yếu vẫn là “quả” (*vipāka*) của các hành vi (*kamma*), bao gồm có chủ ý (*cetanā*, *volition*, *will*) hay vô tình. Nhân quả tác động đến ba chiều thời gian gồm kết quả từ nhân gieo trong quá khứ và hành động hiện tại kéo theo quả tương lai.

Các hành động có chủ đích tốt sẽ dẫn theo kết quả hạnh phúc, tái sinh vào cảnh giới cao, đang khi các hành động xấu kéo theo hậu quả khổ đau, thậm chí bị rơi rớt vào các cảnh giới xấu. Bằng sự khôn khéo, con người có thể trốn tránh luật pháp ở hiện tại, nhưng không ai có thể thoát khỏi luật nhân quả vốn rất công bằng và không bao giờ bị biến hoại thay đổi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15/2/2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



CHƯƠNG I

MỘT PHÁP

(*EKAKANIPĀṬA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT

(*PAṬHAMAVAGGA*)¹

§1. KINH THAM ÁI (*Lobhasutta*) (It. 1)

1. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Tham, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Với tham, bị tham đắm,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán chánh trí,	Từ bỏ tham ái ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH SÂN HẬN (*Dosasutta*) (It. 1)

2. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Sân, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với sân, bị sân hận,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán chánh trí,	Từ bỏ sân hận ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

¹ Bản tiếng Anh của PTS viết tên phẩm này là *Surety*, nghĩa là *Sự chắc chắn, bảo đảm*.

§3. KINH SI MÊ (*Mohasutta*) (It. 2)

3. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Si, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với si, bị si mê,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán chánh trí,	Từ bỏ si mê ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH PHẢN NỘ (*Kodhasutta*) (It. 2)

4. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Phẫn nộ, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với phẫn nộ, phẫn uất,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán chánh trí,	Từ bỏ phẫn nộ ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Đây là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH GIỀM PHA (*Makkhasutta*) (It. 3)

5. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Giềm pha,² này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với giềm pha, giềm người,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán chánh trí,	Từ bỏ giềm pha ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

² *Makkha* thường dịch là giả dối. Xem GS. II. 55. *Chú giải* giải thích là bôi nhọ giới đức của người khác.

§6. KINH KIÊU MẠN (*Mānasutta*) (It. 3)

6. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh. Thế nào là một pháp? Mạn, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các ông hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các ông không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với kiêu mạn, kiêu căng,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán chánh trí,	Từ bỏ kiêu mạn ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH LIỄU TRI TẤT CẢ (*Sabbapariñhāsutta*)³ (It. 3)

7. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri tất cả,⁴ ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không thể diệt được khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri tất cả, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai hiểu rõ biết được,	Tất cả theo mọi mặt,
Đối với tất cả chỗ,	Không có sự tham đắm,
Vị như vậy chắc chắn,	Liễu tri được tất cả,
Và có thể vượt qua,	Tất cả mọi đau khổ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH LIỄU TRI KIÊU MẠN (*Mānapariñhāsutta*) (It. 4)

8. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri mạn, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không thể diệt được khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri mạn, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Người bị mạn chi phối,	Do bị mạn trói buộc,
Nên hoan hỷ sanh hữu,	Do không liễu tri mạn,

³ Xem S. IV. 17, *Paṭhamaaparijānanasutta* (Kinh thứ nhất về liễu tri); PC. 117 (chú thích).

⁴ “Tất cả” ở đây là các căn, các trần và thức (*Chú giải*).

Nên đi đến tái sanh.	Những ai đoạn diệt mạn,
Giải thoát, mạn hoại diệt,	Họ thắng mạn trói buộc,
Họ vượt qua, nhiếp phục,	Tất cả mọi đau khổ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH LIỄU TRI THAM ÁI (*Lobhapariñhāsutta*) (It. 5)

9. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri tham, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không thể diệt được khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri tham, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Với tham, bị tham đắm,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán chánh trí,	Từ bỏ tham ái ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH LIỄU TRI SÂN HẬN (*Dosapariñhāsutta*) (It. 5)

10. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri sân, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không thể diệt được khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri sân, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Với sân, bị sân hận,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán chánh trí,	Từ bỏ sân hận ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

II. PHẨM THỨ HAI (*DUTTIYAVAGGA*)

§1. KINH LIỄU TRI SI MÊ (*Mohapariññāsutta*) (It. 6)

11. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri si, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri si, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với si, bị si mê,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán chánh trí,	Từ bỏ si mê ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH LIỄU TRI PHẢN NỘ (*Kodhapariññāsutta*) (It. 7)

12. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri phản nộ, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri phản nộ, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với phản nộ, phản uất,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán chánh trí,	Từ bỏ phản nộ ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH LIỄU TRI GIỀM PHA (*Makkhapariññāsutta*) (It. 7)

13. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri gièm pha, ở đây, tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau. Nay các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri gièm pha, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với gièm pha, gièm người,	Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiền quán chánh trí,	Từ bỏ gièm pha ấy,
Bỏ rồi, không bao giờ,	Trở lại tại đời này.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH VÔ MINH TRIỀN CÁI (*Avijjāntīvaraṇasutta*) (*It. 7*)

14. Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài chạy suốt, luân chuyển, nay các Tỷ-kheo, như là vô minh triền cái. Nay các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy suốt, luân chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Không có một pháp khác,	Quần sanh bị bao phủ,
Ngày đêm chạy luân chuyển,	Như bao phủ bởi si.
Và ai đoạn diệt si,	Đâm thủng khối u ám,
Họ không luân chuyển nữa,	Trong họ nhân không còn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH ÁI KIẾT SỬ (*Taṇhāsamyojanasutta*)⁵ (*It. 8*)

15. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển, nay các Tỷ-kheo, như là ái kiết sử. Nay các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Người có ái làm bạn,	Thời gian dài luân chuyển,
Không vượt được luân chuyển,	Sanh hữu vậy hay khác.
Ai biết nguy hiểm này,	Biết ái tác thành khổ,
Bỏ ái không chấp trước,	Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Bỏ gia đình xuất gia,	Sống nếp sống như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

⁵ Xem A. II. 10, *Taṇhuppādasutta* (Kinh Ái sanh); It. 109. *Taṇhuppādasutta*; Sn. 139, *Dvayatānupassanāsutta* (Kinh Hai tùy quán); J. IV. 351, *Mahāvāṇijajāta* (Chuyện vị đại thương nhân), số §493.

§6. KINH THỨ NHẤT VỀ HỮU HỌC (*Paṭhamasekhasutta*) (It. 9)

16. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo Hữu học, tâm chưa thành tựu,⁶ đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành nội chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác được nhiều lợi ích như vậy, nay các Tỷ-kheo, như là như lý tác ý. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Vị Tỷ-kheo Hữu học,	Hành như lý tác ý,
Không một pháp nào khác,	Nhiều lợi ích như vậy,
Đề đạt cho bằng được,	Lợi ích thật tối thượng.
Vị Tỷ-kheo như lý,	Tỉnh tấn và tỉnh cần,
Có thể thành đạt được,	Sự đoạn diệt khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH THỨ HAI VỀ HỮU HỌC (*Dutiyasekhasutta*) (It. 10)

17. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác được nhiều lợi ích như vậy, nay các Tỷ-kheo, như là làm bạn với thiện hữu. Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Tỷ-kheo làm bạn thiện,	Tôn kính và tin cậy,
Làm theo những lời nói,	Của bạn bè thân hữu,
Tỉnh giác và chánh niệm,	Vị ấy sẽ tuần tự,
Đạt được sự hoại diệt,	Tất cả mọi kiết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghabhedasutta*)⁷ (It. 10)

18. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên đem lại bất hạnh cho nhiều người; đem lại bất an cho nhiều người; đem lại bất lợi cho nhiều người; đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

⁶ Vị chưa chứng quả A-la-hán.

⁷ Xem A. V. 75, *Paṭhamaānandasutta* (Kinh thứ nhất về Ānanda); Vin. II. 180.

Thế nào là một pháp? Phá hòa hợp Tăng. Nay các Tỷ-kheo, khi chúng Tăng bị phá hoại thì có những tranh luận với nhau, có những mắng nhiếc lẫn nhau, có những ngăn cách lẫn nhau, có những bác bỏ lẫn nhau. Ở tại đây, những người không hòa hợp không đi đến hòa hợp, và những người có hòa hợp lại thay đổi.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Bị rơi vào đọa xứ,	Bị rơi vào địa ngục,
Trú đến trọn cả kiếp,	Người phá hòa hợp Tăng.
Ưu thích phá hòa hợp,	An trú trên phi pháp,
Rơi rớt vượt ra khỏi,	An ổn khỏi khổ ách.
Kẻ phá sự hòa hợp,	Của Tăng chúng hòa hợp,
Bị nung nấu trọn kiếp,	Trong cảnh giới địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghasāmaggī*sutta)⁸ (It. 11)

19. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có một pháp khởi lên ở đời, khi khởi lên, đem lại hạnh phúc cho nhiều người; đem lại an lạc cho nhiều người; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho nhiều người, cho chư thiên và loài người.

Thế nào là một pháp? Sự hòa hợp chúng Tăng. Nay các Tỷ-kheo, khi chư Tăng được hòa hợp, không có những tranh luận với nhau, không có những mắng nhiếc lẫn nhau, không có những ngăn cách lẫn nhau, không có những bác bỏ lẫn nhau. Ở tại đây, những người không hòa hợp đi đến hòa hợp và những người hòa hợp lại càng hòa hợp hơn nữa.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Hạnh phúc là chúng Tăng,	Được sống trong hòa hợp,
Giúp đỡ, ưa hòa hợp,	Thích hòa hợp, trú pháp,
Không rơi rớt vượt khỏi,	An ổn khỏi khổ ách.
Người tạo được hòa hợp,	Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Trọn kiếp được an vui,	Trong cảnh giới chư thiên.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH TÂM ĐỘC ÁC (*Paduṭṭhacittasutta*)⁹ (It. 12)

20. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

⁸ Xem A. V. 76, *Dutiyaānandasutta* (Kinh thứ hai về Ānanda); Vin. II. 180.

⁹ Xem A. I. 8, *Paṇihitaacchasutta* (Kinh Đặt hướng và trong sáng); Netti. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp).

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người độc ác như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này bị rơi vào địa ngục. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm người ấy độc ác. Này các Tỷ-kheo, vì nhân tâm ác ý, như vậy ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi ác, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Biết được tâm độc ác,	Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,	Đã nói ý nghĩa này.
Chính trong thời gian này,	Người ấy bị mạng chung,
Sẽ bị sanh địa ngục,	Vì tâm nó ác độc.
Tùy theo lấy những gì,	Tương xứng bị rơi xuống,
Theo cách thức như vậy,	Do nhân tâm độc ác,
Chúng sanh đi ác thú.	

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



III. PHẨM THỨ BA (*TATTIYAVAGGA*)

§1. KINH TỊNH THIỆN (*Pasannacittasutta*)¹⁰ (It. 13)

21. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người thiện ý như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này được sanh lên thiên giới. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm người ấy thiện ý. Này các Tỷ-kheo, vì nhân tâm thiện ý, như vậy ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Biết được tâm thiện ý,	Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,	Đã nói ý nghĩa này.
Chính trong thời gian này,	Người ấy bị mạng chung,
Người ấy sẽ được sanh,	Lên thiên giới, thiện thú,
Vì tâm có thiện ý.	Tùy theo lấy những gì,
Tương xứng được lãnh thọ,	Theo cách thức như vậy,
Do nhân tâm thiện ý,	Chúng sanh đi thiện thú.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH TÂM TỪ (*Mettasutta*)¹¹ (It. 14)

22. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Này các Tỷ-kheo, chớ có sợ hãi các công đức.¹² Này các Tỷ-kheo, công đức là đồng nghĩa với an lạc, cái gì khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý, tức là công đức. Này các Tỷ-kheo, Ta thắng tri thọ hưởng quả dị thực khả lạc, khả hỷ, khả ái, khả ý trong một thời gian dài của các công đức đã làm trong một thời gian dài. Sau khi tu tập từ tâm trong bảy năm, Ta đã không trở lui lại đời này

¹⁰ Xem A. I. 8, *Paṇihitaacchasutta* (Kinh Đặt hương và trong sáng); *Netti*. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp).

¹¹ Xem A. IV. 88, *Mettasutta* (Kinh Tâm từ); It. 51, *Puñṇakiriyavatthu* (Kinh Phước nghiệp sự).

¹² Các việc làm đem lại quả báo tốt đẹp cho đời sau.

trong bảy tầng kiếp và hoại kiếp. Trong thời kỳ kiếp tăng, Ta là chư thiên Quang Âm. Trong thời kỳ kiếp giảm, Ta sanh trong lâu đài trống không ở Phạm thiên.¹³ Tại đây, Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc chinh phục, bậc không bị ai chinh phục, bậc nhìn thấy tất cả, bậc có quyền lực. Nay các Tỷ-kheo, ba mươi sáu lần Ta đã là Thiên chủ Đế-thích; nhiều trăm lần, Ta đã làm vua, vị vua Chuyển Luân, trị vì đúng pháp, bậc Pháp vương, bậc chiến thắng bốn phương, bậc đã đạt được sự an ổn trong quốc độ, bậc đầy đủ bảy báu; còn nói gì khi Ta là vị vua ở địa phương. Nay các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: “Quả này là do nghiệp nào Ta đã làm, là quả dị thực của nghiệp nào, mà nay, Ta được đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy?” Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: “Đây là quả ba nghiệp Ta đã làm, là quả dị thực của ba nghiệp, do vậy, Ta nay được đại thần lực như vậy, đại uy lực như vậy, tức là bố thí, nhiếp phục, chế ngự.”

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Hãy để cho vị ấy,	Học tập về công đức,
Công đức là lạc căn,	Tối thượng trong tương lai,
Hãy tu tập bố thí,	Sống nếp sống an tịnh,
Và tu tập từ tâm.	Sau khi đã tu tập,
Các pháp này như vậy,	Tức là cả ba pháp,
Khiến an lạc sanh khởi,	Bậc hiền trí được sanh,
Trong thế giới an lạc,	Thế giới không sân hận.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH HAI LỢI ÍCH (*Ubhayatthasutta*)¹⁴ (It. 16)

23. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại hai lợi ích, an trú ngay hiện tại và lợi ích cho tương lai.

Thế nào là một pháp? Không phóng dật trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, đem lại được hai lợi ích, an trú ngay trong hiện tại và lợi ích cho tương lai.

Thế Tôn đã nói lên lợi ích này. Ở đây, điều này được nói đến:

Bậc hiền trí tán thán,	Không phóng dật, hành thiện,
Bậc hiền không phóng dật,	Đem lại hai lợi ích,
Lợi ích ngay đời này,	Và lợi ích tương lai.

¹³ Xem D. I. 17. Thế giới này bắt đầu bằng kiếp tăng, lâu đài Phạm thiên hiện ra nhưng trống không. Có một số chúng sanh do mạng sống đã hết hay do công đức không còn từ Quang Âm thiên sanh vào lâu đài Phạm thiên trống không này.

¹⁴ Xem A. III. 47, *Itthasutta* (Kinh Khả lạc); S. I. 86, *Appamādasutta* (Kinh Không phóng dật); S. I. 87, *Kalyāṇamittasutta* (Kinh Thiện hữu).

Bậc trí do thắng trí,
Nên được gọi bậc trí.

Chứng đắc được lợi ích,

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH ĐỒNG XƯƠNG (*Aṭṭhipuññasutta*)¹⁵ (It. 17)

24. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Các xương của một người,¹⁶ này các Tỷ-kheo, chạy suốt, luân chuyển, có thể lớn như một đôi xương, một chồng xương, một đồng xương, như núi Vepulla này, nếu có người tháo lượm xương lại, gìn giữ chúng, không làm chúng hủy hoại.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Chồng chất như xương người,	Chỉ sống có một kiếp,
Chất đồng bằng hòn núi,	Bậc Đại sĩ nói vậy.
Đồng xương ấy được nói,	Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,	Thành núi Magadha.
Người thấy bốn sự thật,	Với chân chánh trí tuệ,
Khổ và khổ tập khởi,	Sự vượt qua đau khổ, ¹⁷
Con đường Thánh tám ngành,	Dẫn đến khổ tịnh chỉ.
Người ấy phải luân chuyển,	Tối đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,	Đoạn diệt mọi kiết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH NÓI LÁO (*Musāvādasutta*)¹⁸ (It. 18)

25. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Phạm một người nào đã vi phạm một pháp, Ta nói rằng không có ác nghiệp nào vị ấy không làm được. Thế nào là một pháp? Này các Tỷ-kheo, tức là rõ biết mà nói láo.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

¹⁵ Tham chiếu: S. II. 185, *Puggalasutta* (Kinh Người); Dh. v. 191, *Buddhavagga* (Phẩm Phật-dà); Thag. v. 1209; Thīg. v. 182, 189, 291, 312; Kv. 1; Tap. 雜 (T.02. 0099.947. 0242a28); Biệt Tap. 別雜 (T.02. 0100.340. 0487b17); Tap A-hàm kinh 雜阿含經 (T.02. 0101.11. 0496b14); Phật thuyết Tích cốt kinh 佛說積骨經 (T.02. 0150A.30. 0880b10); Pháp cú kinh “Thuật Phật phẩm” 法句經述佛品 (T.04. 0210.22. 0567a01); Pháp cú thí dụ kinh “Ái dục phẩm” 法句譬喻經愛欲品 (T.04. 0211.32. 0600c22); Xuất diệu kinh “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kinh “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03); Bốn sự kinh 本事經 (T.17. 0765.2. 0662c12).

¹⁶ Xem S. II. 185, *Puggalasutta* (Kinh Người).

¹⁷ Xem Dh. v. 190.

¹⁸ Tham chiếu: Dh. v. 176; Pháp cú kinh “Thế tục phẩm” 法句經世俗品 (T.04. 0210.21. 0566a19); Xuất diệu kinh “Hành phẩm” 出曜經行品 (T.04. 0212.10. 0668a04); Pháp tập yếu tụng kinh “Nghiệp phẩm” 法集要頌經業品 (T.04. 0213.9. 0781c10).

Người nào đã nói láo,
Không kể đến đời sau,
Là vi phạm một pháp,
Không ác gì không làm.
Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH BỐ THÍ (*Dānasutta*) (It. 18)

26. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh có thể biết như Ta đã biết quả dị thực của sự san sẻ, bố thí, họ sẽ không thọ hưởng nếu họ không có bố thí, và uesthiễm xan tham không có ám ảnh tâm của họ và trụ lại. Dầu là miếng cuối cùng của họ, dầu là miếng ăn tối hậu, họ sẽ không thọ hưởng nếu họ không san sẻ khi có người nhận của họ. Do vậy, nay các Tỷ-kheo, nếu các chúng sanh không biết như Ta đã biết quả dị thực của sự san sẻ, bố thí, họ sẽ thọ hưởng, không có bố thí, và uesthiễm xan tham ám ảnh tâm của họ và trụ lại.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Nếu các hàng chúng sanh,	Có thể biết như vậy,
Như bậc Đại Ân sĩ,	Đã nói, tuyên bố lên,
Quả dị thực lớn thay,	Của san sẻ, bố thí!
Nhiếp phục uesthiễm xan tham,	Với tâm thật thanh tịnh,
Đúng thời họ bố thí,	Đối với các Thánh nhân,
Tại đây, bố thí vậy,	Có quả thật to lớn.
Cho nhiều các thức ăn,	Kính lễ người đáng kính,
Từ đây xả, từ bỏ,	Địa vị làm con người,
Các người làm bố thí,	Được đi đến cõi trời.
Họ đi đến cõi trời,	Tại đây, họ hoan hỷ,
Với mọi điều sở thích,	Họ thọ hưởng như ý.
Vị không có xan tham,	Được thọ hưởng đầy đủ,
Quả dị thực của họ,	Nhờ san sẻ, bố thí.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH TU TẬP TÂM TỪ (*Mettābhāvanāsutta*)¹⁹ (It. 19)

27. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, phàm có những phước nghiệp sự nào đưa đến sanh y,²⁰ tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng (những nghiệp sự ấy), chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

¹⁹ Xem A. IV. 150, *Mettāsutta* (Kinh Tâm từ); J. IV. 70, *Cakkavākajātaka* (Chuyện chim hồng nga), số §451.

²⁰ Xem S. I. 233. Làm các thiện hành để được tái sanh.

Này các Tỷ-kheo, ví như ánh sáng của chùm sao, tất cả ánh sáng ấy không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng.²¹ Ánh sáng của mặt trăng vượt qua ánh sáng của chùm sao chói sáng, bùng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp sự đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát, vượt qua chúng, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, ví như vào tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, trời quang mây tạnh, mặt trời mọc lên trên bầu trời, phá tan mọi tối tăm ở hư không, chói sáng, bùng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp sự đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, khi đêm đã gần tàn, sao mai chói sáng, bùng sáng và rực sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những nghiệp sự nào đưa đến sanh y, tất cả những nghiệp sự ấy không bằng một phần mười sáu từ tâm giải thoát. Chỉ có từ tâm giải thoát vượt qua chúng, chói sáng, bùng sáng và rực sáng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Ai tu tập từ tâm,	Không phóng dật, chánh niệm,
Các kiết sử giảm thiểu,	Nhờ thấy sanh y diệt.
Nếu tâm không độc ác,	Đối với một hữu tình,
Với từ tâm như vậy,	Vị ấy là bậc thiện.
Với tâm tư từ mẫn,	Đối tất cả hữu tình,
Bậc Thánh tự tác thành,	Công đức thật vô lượng.
Ai chiến thắng quả đất,	Đầy rẫy những hữu tình,
Bậc vua chúa chính thống,	Như các vị đạo sĩ,
Tổ chức khắp mọi nơi,	Đủ các loại tế đàn,
Lễ tế đàn với ngựa,	Lễ tế đàn với người,
Quảng cộc, rượu chiến thắng,	Lễ chót cửa dẹp lại,
Họ không tác thành được,	Một phần thứ mười sáu,
Với người khéo tu tập,	Tâm ý thật từ mẫn,
Như ánh sáng mặt trăng,	Thắng sáng mọi vì sao.
Ai không có giết hại,	Không khiến người giết hại,
Không có chinh phục người,	Không khiến người chinh phục,
Với tâm tư từ mẫn,	Đối với mọi chúng sanh,
Vị ấy không hận thù,	Đối với bất cứ ai.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

²¹ Xem S. I. 65; III, 156; A. V. 22.

CHƯƠNG II

HAI PHÁP

(*DUKANIPĀṬA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT

(*PAṬHAMAVAGGA*)

§1. KINH TRÚ KHỔ (*Dukkavīhārasutta*) (It. 22)

28. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, sống đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai? Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại, sống đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Mắt, tai, mũi và lưỡi,	Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,	Tỷ-kheo không hộ trì,
Ăn uống không tiết độ,	Các căn không hộ trì,
Đau khổ về thân thể,	Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh,	Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,	Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,	Sống đau khổ như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH TRÚ LẠC (*Sukhavīhārasutta*)¹ (It. 23)

29. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú an

¹ Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* “Học phẩm” 出曜經學品 (T.04. 0212.8. 0660a14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Thiện hành phẩm” 法集要頌經善行品 (T.04. 0213.7. 0781a01).

lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú. Thế nào là hai? Hộ trì các căn và tiết độ trong ăn uống. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Mắt, tai, mũi và lưỡi,	Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,	Tỷ-kheo khéo hộ trì,
Ăn uống có tiết độ,	Các căn có hộ trì,
An lạc về thân thể,	An lạc về tâm tư,
Vị ấy được thọ lãnh,	Những an lạc như vậy,
Thân không bị thiêu đốt,	Tâm không bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,	An trú lạc như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH LÀM CHO HỐI HẬN (*Tapanīyasutta*)² (It. 24)

30. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có hai pháp này làm cho hối hận. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở người sợ hãi, làm điều ác, làm điều tàn bạo, làm điều không thiện. Người ấy hối hận bởi ý nghĩ: “Ta đã không làm điều thiện”, lại hối hận bởi ý nghĩ: “Ta đã làm điều ác.” Nay các Tỷ-kheo, hai pháp này làm cho hối hận.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Làm xong thân ác hành,	Hay nói các lời ác,
Làm xong ý ác hành,	Hay bất cứ gì khác,
Có liên hệ lỗi lầm,	Không làm các nghiệp lành,
Làm các điều bất thiện,	Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy không trí tuệ,	Bị sanh vào địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH KHÔNG LÀM CHO HỐI HẬN (*Atapanīyasutta*)³ (It. 25)

31. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

² Tham chiếu: A. III. 351, *Īṇasutta* (Kinh Mặc nợ); Dh. v. 140; It. 54, *Duccaritasutta* (Kinh Ác hạnh); *Pháp cú kinh* “Đạo trường phạm” 法句經刀杖品 (T.04. 0210.18. 0565a29); *Pháp cú thí dụ kinh* “Đạo trường phạm” 法句譬喻經刀杖品 (T.04. 0211.18. 0591b09); *Xuất diệu kinh* “Ác hành phạm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phạm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

³ Xem It. 55, *Sucaritasutta* (Kinh Thiện hạnh).

– Nay các Tỷ-kheo, có hai pháp không làm cho hối hận. Thế nào là hai? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người làm điều lành, làm điều thiện, che chở người sợ hãi, không làm điều ác, không làm điều tàn bạo, làm điều thiện. Người ấy không hối hận vì nghĩ rằng: “Ta đã làm điều lành”, không hối hận vì nghĩ rằng: “Ta không làm điều ác.” Nay các Tỷ-kheo, hai pháp này không làm cho hối hận.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Từ bỏ thân làm ác,	Hay nói các lời ác,
Từ bỏ ý ác hành,	Hay bất cứ gì khác,
Có liên hệ lỗi lầm,	Không làm các nghiệp ác,
Làm nhiều điều thiện sự,	Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy có trí tuệ,	Được sanh lên cõi trời.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH THỨ NHẤT VỀ GIỚI (*Paṭhamasīlasutta*) (It. 26)

32. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ hai pháp, một người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là hai? Ác giới và ác kiến. Nay các Tỷ-kheo, đầy đủ hai pháp này, một người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Người nào mà hội tụ,	Đầy đủ hai pháp này,
Đầy đủ với ác giới,	Và đầy đủ ác kiến,
Khi thân hoại mạng chung,	Người ấy không trí tuệ,
Người ấy phải bị sanh,	Vào cảnh giới địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH THỨ HAI VỀ GIỚI (*Dutiyasīlasutta*) (It. 26)

33. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Đầy đủ hai pháp, nay các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai? Giới hiền thiện và kiến hiền thiện. Đầy đủ hai pháp này, nay các Tỷ-kheo, một người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Người nào được thành tựu,	Đầy đủ hai pháp này,
Đầy đủ giới hiền thiện,	Đầy đủ kiến hiền thiện,
Khi thân hoại mạng chung,	Người ấy có trí tuệ,
Người ấy sẽ được sanh,	Vào cảnh giới cõi trời.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH NHIỆT TÂM (*Ātāpīsutta*) (It. 27)

34. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nhiệt tình, không có sợ hãi tội lỗi, không có thể chứng được Chánh giác, không có thể chứng được Niết-bàn, không có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có nhiệt tình, có sợ hãi tội lỗi, có thể chứng được Chánh giác, có thể chứng được Niết-bàn, có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Người không có nhiệt tình,	Không có biết sợ tội,
Biếng nhác không tinh cần,	Nhiều hôn trầm thụy miên,
Không biết đến xấu hổ,	Không có lòng tôn kính,
Vì Tỷ-kheo như vậy,	Không có thể đạt tới,
Tôi thượng Chánh Đẳng Giác.	Ai giữ được chánh niệm,
Thông minh tu thiền định, ⁴	Nhiệt tình, biết sợ tội,
Và không có phóng dật,	Sau khi chặt đứt được,
Kiết sử, sanh và già,	Ở đây có thể đạt,
Chánh Đẳng Giác vô thượng.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH THỨ NHẤT VỀ KHÔNG LỪA DỐI

(*Paṭhamanakuhanasutta*)⁵ (It. 28)

35. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống⁶ không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng,⁷ nghĩ rằng: “Mong rằng quần chúng biết đến ta.” Nay các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống vì mục đích chế ngự và vì mục đích đoạn tận.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Với mục đích chế ngự,	Với mục đích đoạn tận,
Không kể người nói gì,	Thế Tôn đã thuyết giảng,
Về nếp sống Phạm hạnh,	Một nếp sống đưa đến,
Thể nhập vào Niết-bàn,	Đường này là con đường,
Được các bậc Đại nhân,	Được các Đại Ân sĩ,

⁴ Người trong khi tu thiền phân biệt, hiểu biết một cách thông minh.

⁵ Xem A. II. 26, *Brahmacariyasutta* (Kinh Phạm hạnh).

⁶ Xem M. I. 465; A. II. 26 nói về bốn mục đích sống Phạm hạnh.

⁷ Xem S. II. 226.

Noi theo và thực hiện,
Chính trên con đường ấy,
Sẽ làm khổ lắng dịu,
Như lời Đạo sư dạy.

Và những ai dẫn bước,
Như đức Phật đã dạy,
Và thực hành làm đúng,

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH THỨ HAI VỀ KHÔNG LỪA DỐI (*Dutiyanakuhanasutta*) (It. 29)

36. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi ích, lợi dưỡng, cung kính, danh vọng, nghĩ rằng: “Mong rằng quần chúng biết đến ta.” Nay các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được sống vì mục đích thắng tri, vì mục đích liễu tri.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với mục đích thắng tri,
Không kể người nói gì,
Về nếp sống Phạm hạnh,
Thế nhập vào Niết-bàn.
Được các bậc Đại nhân,
Noi theo và thực hiện,
Chính trên con đường ấy,
Sẽ làm khổ lắng dịu,
Như lời Đạo sư dạy.

Với mục đích liễu tri,
Thế Tôn đã thuyết giảng,
Một nếp sống đưa đến,
Đường này là con đường,
Được các Đại Ấn sĩ,
Và những ai dẫn bước,
Như đức Phật đã dạy,
Và thực hành làm đúng,

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH NHIỀU HỖ LẠC (*Somanassasutta*) (It. 30)

37. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Đây đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào là hai? Sự hừng khởi đối với những trường hợp đáng phấn khởi, và như lý tinh cần đối với phấn khởi. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Bậc có trí phấn khởi,
Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Quán sát nhìn sự vật,

Trường hợp đáng phấn khởi,
Thông minh và cần trọng,
Với trí tuệ Bát-nhã,

Nhiệt tình trú như vậy,	Sống đời sống an tịnh,
Không bông bột hăng say,	Chú lực tâm tịnh chỉ,
Có thể đạt chứng được,	Đoạn diệt các khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



II. PHẨM THỨ HAI (DUTIYAVAGGA)

§1. KINH SUY TÂM (*Vitakkasutta*)⁸ (It. 31)

38. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hai suy tâm được hành trì nhiều, đó là an ổn và ẩn dật. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích không làm hại, thích thú không làm hại. Với Như Lai ấy, nay các Tỷ-kheo, ưa thích không làm hại này, thích thú không làm hại này, suy tâm này được hành trì nhiều: “Với cử chỉ uy nghi này, Ta không làm hại một ai, dầu đang di động hay bất động.” Nay các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích ẩn dật, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, nay các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này. Với Như Lai ấy, nay các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này, suy tâm này được hành trì nhiều: “Phàm có bất thiện gì thì đều được đoạn tận.” Do vậy, nay các Tỷ-kheo, các ông hãy an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại. Nay các Tỷ-kheo, với các ông an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại, suy tâm này sẽ được hành trì nhiều: “Với cử chỉ uy nghi này, chúng ta không làm hại một ai, dầu là đang di động hay bất động.” Nay các Tỷ-kheo, hãy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật. Nay các Tỷ-kheo, với các ông an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật, suy tâm này sẽ được hành trì nhiều: “Còn có gì bất thiện, còn có gì chưa đoạn tận, còn có gì chúng ta phải từ bỏ?”

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Như Lai, bậc Giác Ngộ,	Bậc có thể nhẫn nại,
Những gì mà người khác,	Không có thể nhẫn nại,
Hai suy tâm, vị ấy,	Hành trì và thực hiện,
Trước hết được nói đến,	Là an ổn suy tâm,
Thứ đến là ẩn dật,	Thứ hai được trình bày,
Phá tan màn hắc ám,	Đã đến bờ bên kia,
Bậc Đại Sĩ đạt được,	Quyền lực không lậu hoặc,

⁸ Tham chiếu: D. II. 1, *Mahāpadānasutta* (Kinh Đại bốn), số 14; M. I. 160, *Pāsārāsīsutta* (Kinh Thánh cầu), số 26; M. II. 91, *Bodhirājakumārasutta* (Kinh Vương tử Bồ-đề), số 85; Vin. I. 1; S. I. 298, *Brahmāyācanasutta* (Kinh Phạm thiên câu thỉnh); Xuất diệu kinh “Như Lai phẩm” 出曜經如來品 (T.04. 0212.22. 0716b16); Pháp tập yếu tụng kinh “Như Lai phẩm” 法集要頌經如來品 (T.04. 0213.21. 0787b22).

Đạt thân mạng tối hậu,	Trong ái diệt giải thoát.
Vị Ân Sĩ như vậy,	Chắc mang thân tối hậu,
Ta nói rằng vị ấy,	Từ bỏ được kiêu mạn,
Thoát khỏi được già lão,	Đạt được bờ bên kia.
Như đứng trên tảng đá,	Trên đỉnh núi đầu non,
Đưa mắt nhìn xung quanh,	Quần chúng dưới chân mình,
Cũng vậy bậc Trí Tuệ,	Leo lên lầu Chánh pháp,
Biển nhãn, không sâu muợn,	Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị ưu tư sâu khổ,	Bị sanh già áp bức.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH THUYẾT PHÁP (*Desanāsutta*) (It. 33)

39. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai? Hãy thấy ác là ác, đây là thuyết pháp thứ nhất. Sau khi thấy ác là ác, ở đây, hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly, đây là thuyết pháp thứ hai. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với Như Lai, Phật-đà,	Từ miễn mọi chúng sanh,
Hãy thấy lời thuyết giảng,	Tuân tực pháp theo pháp;
Hai pháp được trình bày,	Một là hãy nhìn rõ,
Pháp ác là pháp ác,	Và chính tại ở đây,
Từ bỏ không tham đắm;	Từ đây không tham đắm,
Hãy làm cho an tịnh,	Mọi khổ đau phiền não.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH MINH (*Vijjāsutta*) (It. 34)

40. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, vô minh đi trước, làm cho đạt được các pháp bất thiện; tiếp theo là không xấu hổ, không sợ hãi tội lỗi. Nay các Tỷ-kheo, minh đi trước, làm cho đạt được các pháp thiện; tiếp theo là xấu hổ và sợ hãi tội lỗi.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Phàm có ác thú gì,	Đời này và đời sau,
Tất cả do vô minh,	Làm gốc, làm cội rễ,
Dục tham được cất chứa,	Vì rằng kẻ ác dục,

Không xấu hổ, không kính,	Từ đó nó khởi ác,
Do vậy đi đọa xứ.	Vậy hãy nên từ bỏ,
Dục tham và vô minh,	Muốn mình được sanh khởi,
Tỷ-kheo cần từ bỏ,	Tất cả mọi ác thú.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH THỐI ĐẠO KHỎI TRÍ TUỆ (*Paññāparihīnasutta*)⁹ (It. 35)

41. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào bị thối đạo khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy là thối đạo; ngay trong hiện tại, họ trú trong đau khổ, với tàn hại, với ưu não, với nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Nay các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào không bị thối đạo khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy không có thối đạo; ngay trong hiện tại, họ trú trong an lạc, không có tàn hại, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Thối đạo khỏi trí tuệ,	Hãy nhìn xem thế giới,
Với hàng ngũ chư thiên,	An trú trong danh sắc,
Nghĩ rằng: “Đây sự thật.”	Nhưng thù thắng ở đời,
Lại chính là trí tuệ,	Chính tuệ dắt dẫn đến,
Thể nhập được Niết-bàn,	Và chơn chánh quán tri,
Sự hoại diệt sanh hữu.	Chư thiên và loài người,
Mong ước được chiêm ngưỡng,	Chư Phật Chánh Đẳng Giác,
Những bậc giữ chánh niệm,	Đầy đủ với trí tuệ,
Mang thân này cuối cùng.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH PHÁP TRẮNG (*Sukkadhammasutta*)¹⁰ (It. 36)

42. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời. Thế nào là hai? Xấu hổ và sợ hãi tội lỗi. Nay các Tỷ-kheo, nếu hai pháp này không che chở cho

⁹ Tham chiếu: Sn. 139, *Dvayatānupassanāsutta* (Kinh Hai pháp tùy quán); Netti. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp); Pe. 23, *Sāsanapaṭṭhānadutiyaḥhūmi* (Phần thứ hai về Sự hình thành giáo pháp); Pe. 60, *Suttādhiṭṭhānatatiyaḥhūmi* (Phần thứ ba về Xác định vị trí của kinh); Pháp cú kinh “Đạo hành phẩm” 法句經道行品 (T.04. 0210.28. 0569a07); Xuất diệu kinh “Đạo phẩm” 出曜經道品 (T.04. 0212.13. 0681b25); Pháp tập yếu tụng kinh “Chánh đạo phẩm” 法集要頌經正道品 (T.04. 0213.12. 0783a08).

¹⁰ Xem A. I. 47, *Kammakaraṇasutta* (Kinh Hình phạt); Thag. v. 1051.

đời, thời ở đây không có sự phân biệt giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay giữa vợ của bậc Giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào loạn luân như các loài dê, cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời, cho nên ở đây có sự phân biệt giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay giữa vợ của bậc Giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với những ai không có,	Xấu hổ và sợ tội,
Liên tục và thường xuyên,	Họ lệch góc pháp trắng,
Họ đi đến sanh tử.	Với những ai chánh trí,
Xấu hổ và sợ tội,	Liên tục và thường xuyên,
Vững trú trên Phạm hạnh,	Họ được sự an tịnh,
Tái sanh được diệt tận.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH KHÔNG SANH (*Ajātasutta*) (It. 37)

43. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra. Này các Tỷ-kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, thì ở đây không thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra. Do vì, này các Tỷ-kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không tác thành, không làm ra, nên có thể trình bày được sự xuất ly khỏi sanh, khỏi hiện hữu, khỏi tác thành, khỏi làm ra.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Có cái sanh, hiện hữu, ¹¹	Cái khởi lên, làm ra,
Hữu vi không thường hằng,	Tác thành ra già chết,
Một ổ của bệnh hoạn,	Mỏng manh, giòn, dễ vỡ,
Nhờ đồ ăn, tham ái,	Nên mới được hiện hữu,
Vật ấy thật không đáng,	Để hoan hỷ ưa thích.
Thật có cái xuất ly,	Ra khỏi được cái ấy,
Thật có vượt lý luận,	Thường hằng, không sanh khởi,
Không có cái khởi lên,	Con đường không cầu uế,
Không đưa đến sầu muộn,	Đoạn diệt các pháp khổ,
Sự tịnh chỉ mọi hành,	An lạc thật tịnh lạc.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

¹¹ Các câu kệ này rất quan trọng, có liên hệ đến *M. II. 67*; *Dh. v. 147-48*. Câu cuối cùng giống *Dh. v. 368*.

§7. KINH NIẾT-BÀN GIỚI (*Nibbānadhātusutta*) (It. 38)

44. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có hai Niết-bàn giới này. Thế nào là hai? Niết-bàn giới có dư y và Niết-bàn giới không có dư y.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới có dư y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Trong vị ấy, năm căn còn tồn tại. Ngang qua các căn chưa hoại diệt ấy, vị ấy thọ nhận điều khả ý, cảm giác lạc khổ. Với vị ấy, tham diệt, sân diệt, si diệt. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới có dư y.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là Niết-bàn giới không có dư y? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã diệt, đã giải thoát nhờ chánh trí. Ở đây, đối với vị ấy, mọi cảm thọ đều không có hoan hỷ ưa thích, sẽ được lắng dịu. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là Niết-bàn giới không có dư y.

Này các Tỷ-kheo có hai Niết-bàn giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này, ở đây điều này được nói đến:

Hai Niết-bàn giới này,	Được vị có Pháp nhãn, ¹²
Trình bày và thuyết giảng,	Không y tựa như vậy.
Một loại Niết-bàn giới,	Ở đây thuộc hiện tại,
Còn có các dư y,	Tham sanh hữu bị diệt.
Không dư y Niết-bàn,	Lại thuộc về tương lai,
Với vị đạt giới này,	Mọi hữu diệt hoàn toàn.
Những ai với chánh trí,	Biết con đường vô vi,
Tâm tư được giải thoát,	Tham sanh hữu bị diệt.
Những ai chứng đạt được,	Gốc lõi của các pháp,
Hoan hỷ trong diệt tận,	Những vị ấy như vậy,
Đã từ bỏ hoàn toàn,	Tất cả mọi sanh hữu.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH THIỀN TỊNH (*Paṭisallānasutta*) (It. 39)

45. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy sống ưa muốn ăn dật thiền tịnh (*paṭisallānamā*), thích thú ăn dật thiền tịnh, chuyên chú nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền

¹² Chỉ cho Như Lai.

định (*anirākatajjhānā*), thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống. Nay các Tỷ-kheo, sống ưa muốn ẩn dật thiên tịnh, thích thú ẩn dật thiên tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán trí, hành trì hạnh đi đến các ngôi nhà trống, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: Ngay trong hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y chứng được quả Bất lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Những ai tâm an tịnh,	Thông minh và thận trọng,
Chánh niệm tu thiền định,	Quán nhìn pháp chọn chánh,
Không chờ đợi ham muốn,	Đối với các loại dục,
Ưa muốn không phóng dật,	Sống an tịnh có mặt,
Thấy được sự sợ hãi,	Trong nếp sống phóng dật,
Họ không bị thối đọa,	Họ đến gần Niết-bàn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH LỢI ÍCH CỦA HỌC TẬP (*Sikkhānisamsasutta*)¹³ (It. 40)

46. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy an trú cho lợi ích của học tập,¹⁴ cho trí tuệ tối thượng, cho cốt lõi giải thoát, cho niệm được tăng thượng. Nay các Tỷ-kheo, an trú cho lợi ích của học tập, cho trí tuệ tối thượng, cho cốt lõi giải thoát, cho niệm được tăng thượng, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: Ngay trong hiện tại được chánh trí, hay nếu có dư y chứng được quả Bất lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Bậc Hữu học viên mãn,	Không còn bị thối đọa,
Đạt tối thượng trí tuệ,	Thấy sanh được diệt tận.
Ta nói chắc chắn rằng,	Ăn sĩ Mâu-ni ấy,
Mang sắc thân cuối cùng,	Đã từ bỏ kiêu mạn,
Đã vượt qua bờ kia,	Thoát khỏi sự già yếu.
Do vậy hãy luôn luôn,	Vui trong thiền, an tịnh,
Nhiệt tâm và nỗ lực,	Thấy sanh được diệt tận,
Hỡi này các Tỷ-kheo,	Hãy nhiếp phục ma quân,
Tu tập vượt qua được,	Thoát khỏi sự già chết.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

¹³ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Vô thường phẩm” 法句經無常品 (T.04. 0210.1. 0559a01); *Pháp cú thí dụ kinh* “Vô thường phẩm” 法句譬喻經無常品 (T.04. 0211.1. 0575b11); *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

¹⁴ Những vấn đề này được đề cập trong A. II. 243.

§10. KINH TỈNH THỨC (*Jāgariyasutta*)¹⁵ (It. 41)

47. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải sống tỉnh thức, chánh niệm, tỉnh giác, an định, hoan hỷ, tín thành, và ở đây, quán tri đúng thời trong các pháp thiện. Nay các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống tỉnh thức, chánh niệm, tỉnh giác, thiền định, hoan hỷ, tín thành, quán tri đúng thời trong các pháp thiện, thời được chờ đợi là một trong hai quả này: Được chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu có dư y, chứng được quả Bất lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Hỡi các bậc tỉnh thức,	Hãy lắng nghe điều này,
Những ai còn nằm ngủ,	Hãy thức dậy, tỉnh thức,
Thức tỉnh là tốt hơn,	Hơn kẻ đang nằm ngủ!
Đối với người thức tỉnh,	Không có sự sợ hãi,
Người thức tỉnh, thức giác,	Chánh niệm và tỉnh giác,
An định tâm hoan hỷ,	Nhiệt tình đầy tín thành,
Chon chánh biết thời giờ,	Thắng quán đến Chánh pháp,
Đạt được sự nhất tâm,	Quét sạch mọi tăm tối.
Do vậy hãy tu tập,	Thức tỉnh và nhiệt tình,
Vì Tỷ-kheo thông minh,	Thận trọng chứng cảnh thiền,
Chặt đứt các kiết sử,	Trói buộc sanh với già,
Chính tại ở đời này,	Chứng Chánh giác Vô thượng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§11. KINH ĐỌA LẠC VÀO KHỔ CẢNH (*Āpāyikasutta*)¹⁶ (It. 42)

48. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người bị đọa lạc, bị đọa vào địa ngục, nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ. Thế nào là hai? Ai sống phi Phạm hạnh, lại tự cho sống Phạm hạnh. Ai đối với người sống Phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh, lại buộc tội chỉ trích là phi Phạm hạnh không có căn cứ. Nay các Tỷ-kheo, hai hạng người này bị đọa lạc, bị đọa vào địa ngục nếu họ không đoạn tận lỗi lầm của họ.

¹⁵ Tham chiếu: *Pháp cú kinh* “Duy niệm phẩm” 法句經惟念品 (T.04. 0210.6. 0561a16); *Xuất diệu kinh* “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ưc niệm phẩm” 法集要頌經憶念品 (T.04. 0213.15. 0784b14).

¹⁶ Tham chiếu: *Dh. v.* 306, 307; *Ud.* 43; *It.* 89; *Sn.* 123, *Kokālikasutta* (Kinh *Kokālika*); *Vin.* III. 87; *Pháp cú kinh* “Địa ngục phẩm” 法句經地獄品 (T.04. 0210.30. 0570a05); *Pháp cú kinh* “Lợi dưỡng phẩm” 法句經利養品 (T.04. 0210.33. 0571b26); *Pháp cú kinh* “Sa-môn phẩm” 法句經沙門品 (T.04. 0210.34. 0571c29); *Xuất diệu kinh* “Phi báng phẩm” 出曜經誹謗品 (T.04. 0212.9. 0663c18); *Xuất diệu kinh* “Hành phẩm” 出曜經行品 (T.04. 0212.10. 0668a04); *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.12. 0678a17); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ngữ ngôn phẩm” 法集要頌經語言品 (T.04. 0213.8. 0781b03); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Sa-môn phẩm” 法集要頌經沙門品 (T.04. 0213.11. 0782c02).

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai nói lời không chơn,	Rơi vào cỏi địa ngục,
Ai sau khi đã làm,	Lại nói tôi không làm,
Họ đều là những người,	Làm các nghiệp hạ liệt,
Cả hai sau khi chết,	Đều đồng đẳng như nhau,
Ở trong cảnh đời sau.	Lại có rất nhiều người,
Tuy mặc áo cà-sa,	Họ không có chế ngự,
Đối với các pháp ác,	Do họ làm nghiệp ác,
Họ phải sanh địa ngục.	Tốt hơn đối với họ,
Là nuốt cục sắt tròn,	Cháy đỏ y như lửa,
Còn hơn kẻ không giới,	Không biết tự chế ngự,
Nếu có ăn dùng gì,	Các món ăn quốc độ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§12. KINH TÀ KIẾN (*Ditthigatasutta*)¹⁷ (It. 43)

49. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, chư thiên và loài người bị xâm chiếm bởi hai tà kiến, một số người trì trệ, một số người đi quá trớn; chỉ người có mắt mới thấy.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số người trì trệ? Nay các Tỷ-kheo, có chư thiên và loài người ưa muốn sanh hữu, vui thích trong sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt, sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có lãnh hội, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người trì trệ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số người đi quá trớn? Như có một số người lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ phi sanh hữu. Họ nói: “Vì rằng khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt đứt, bị hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chơn thật.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có mắt mới thấy? Ở đây, Tỷ-kheo thấy sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thấy sự sanh hữu là sanh hữu, vị ấy hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Những ai đã thấy được,	Sanh hữu là sanh hữu,
Thấy được sự vượt qua,	Của sự sanh hữu ấy,
Những vị ấy giải thoát,	Đối như thật hiện hữu,

¹⁷ Xem Ps. I. 135, *Ditthikathā* (Giảng về kiến).

Vì nhờ đoạn diệt được,
Nếu vị ấy liễu tri,
Vị ấy ly tham ái,
Tỷ-kheo quyết phi hữu,
Sẽ không còn đi đến,

Tham ái đối sanh hữu.
Sanh hữu là sanh hữu,
Đối hữu và phi hữu,
Đối với chính sanh hữu,
Sanh đi rồi sanh lại.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



CHƯƠNG III

BA PHÁP (*TIKANIPĀṬA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*PAṬHAMAVAGGA*)

§1. KINH CĂN BẢN (*Mūlasutta*)¹ (It. 44)

50. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế nào là ba? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Nay các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Tham, sân, si được sanh,	Từ chính bản thân mình,
Hại lại người tâm ác,	Như trái tre hại tre.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH GIỚI (*Dhātusutta*) (It. 45)

51. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba giới này. Thế nào là ba? Sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. Nay các Tỷ-kheo, có ba giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai liễu tri sắc giới, ²	Không an trú vô sắc,
Những ai được giải thoát,	Đối với đoạn diệt giới,
Các chúng sanh như vậy,	Xả ly được thân chết.
Với thân cảm giác được,	Bất tử không sanh y,
Xả ly từ bỏ hẳn,	Sanh y đưa đến hữu,
Sau khi tự chứng được,	Không còn có lậu hoặc,

¹ Xem S. I. 70, *Purisasutta* (Kinh Người); S. I. 98, *Lokasutta* (Kinh Thế gian).

² Bài kệ này được tìm thấy ở Sn. 754.

Bậc Chánh đẳng Chánh giác Thuyết pháp con đường chánh,
Không có gì sâu muộn, Trong sạch không cầu ướ.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH THỨ NHẤT VỀ CÁC THỌ (*Paṭhamavedanāsutta*)³ (It. 46)

52. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này.⁴ Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Định tĩnh và tỉnh giác,	Chánh niệm, đệ tử Phật,
Quản trị các cảm thọ,	Sự sanh khởi các thọ,
Chỗ các thọ được diệt,	Con đường đưa đến diệt,
Tỷ-kheo nhờ diệt thọ,	Không ham muốn, tịch tịnh.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH THỨ HAI VỀ CÁC THỌ (*Dutiyavedanāsutta*)⁵ (It. 47)

53. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Nay các Tỷ-kheo, lạc thọ cần phải được xem như là khổ. Khổ thọ cần phải được xem như là mũi tên. Bất khổ bất lạc thọ cần phải được xem như là vô thường. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái, đã giải tỏa kiết sử, đã chơn chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai thấy lạc là khổ,	Thấy khổ là mũi tên,
Thấy bất khổ bất lạc,	Thọ ấy là vô thường,
Tỷ-kheo ấy thật sự,	Đã thấy thật chơn chánh,
Chính tại ở nơi đây,	Từ đây được giải thoát.
Thành tựu được thắng trí,	Bậc ẩn sĩ an tịnh,
Chắc chắn đã vượt qua,	Các ách phược trói buộc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

³ Xem It. 48; S. IV. 204, *Samādhisutta* (Kinh Thiền định).

⁴ Kinh này được tìm thấy ở S. IV. 204.

⁵ Xem S. IV. 207, *Daṭṭhabbasutta* (Kinh Cần phải quán kiến); Thag. v. 981.

§5. KINH THỨ NHẤT VỀ TÂM CẦU (*Paṭhamaesanāsutta*)⁶ (It. 48)

54. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này. Thế nào là ba? Dục tâm cầu, hữu tâm cầu, Phạm hạnh tâm cầu. Nay các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Định tĩnh và tỉnh giác,	Chánh niệm, đệ tử Phật,
Quán tri các tâm cầu,	Sự sanh khởi tâm cầu,
Chỗ các tâm cầu diệt,	Và con đường đến diệt.
Tỷ-kheo do diệt tận,	Các loại tâm cầu ấy,
Không còn có ước muốn,	Được lắng dịu, tịch tịnh.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH THỨ HAI VỀ TÂM CẦU (*Dutiyaesanāsutta*)⁷ (It. 48)

55. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này. Thế nào là ba? Dục tâm cầu, hữu tâm cầu, Phạm hạnh tâm cầu. Nay các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Dục và hữu tâm cầu,	Cùng Phạm hạnh tâm cầu,
Nếu chấp trước nắm giữ,	Chính đây là sự thật,
Như vậy là chất chứa,	Đủ mọi loại kiến xứ.
Với ai không ham muốn,	Đối với các loại tham,
Vị ấy được giải thoát,	Nhờ diệt được khát ái,
Tâm cầu được từ bỏ,	Kiến xứ được nhổ lên,
Tỷ-kheo do diệt tận,	Các loại tâm cầu ấy,
Không còn có mong cầu,	Không còn có nghi hoặc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH THỨ NHẤT VỀ LẬU HOẶC (*Paṭhamaāsavasutta*)⁸ (It. 49)

56. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Nay các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

⁶ Xem It. 46, 49; S. IV. 204, *Samādhisutta* (Kinh Thiền định).

⁷ Xem A. II. 41, *Patilīnasutta* (Kinh Tránh né).

⁸ Xem It. 46, 48; S. IV. 204, *Samādhisutta* (Kinh Thiền định).

Định tĩnh và tỉnh giác,	Chánh niệm, đệ tử Phật,
Quản tri các lậu hoặc,	Sự sanh khởi lậu hoặc,
Chỗ các lậu hoặc diệt,	Và con đường đến diệt.
Tỷ-kheo đã diệt tận,	Các loại lậu hoặc ấy,
Không còn có ước muốn,	Được lắng dịu, tịch tịnh.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH THỨ HAI VỀ LẬU HOẶC (*Dutiyaāśavasutta*) (It. 49)

57. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba loại lậu hoặc này. Thế nào là ba? Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Nay các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến:

Ai đoạn trừ dục lậu,	Ly tham, thoát vô minh,
Hữu lậu được đoạn trừ,	Giải thoát khỏi sanh y,
Mang cái thân cuối cùng,	Đẹp Ác ma, ma quân.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH KHÁT ÁI (*Taṇhāsutta*)⁹ (It. 50)

58. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba khát ái này. Thế nào là ba? Dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Nay các Tỷ-kheo, có ba khát ái này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến:

Trói buộc bởi ái triền,	Tâm ưa hữu, phi hữu,
Bị ma triền trói buộc,	Chúng sanh ấy không được,
An ổn khỏi ách nạn,	Chúng sanh đi luân chuyển,
Đến sanh rồi đến chết.	Những ai đoạn được ái,
Ly ái hữu, phi hữu,	Họ đến bờ bên kia,
Trong thế giới hiện tại,	Họ đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn tận.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH THỂ LỰC CỦA ÁC MA (*Māradheyyasutta*) (It. 50)

59. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

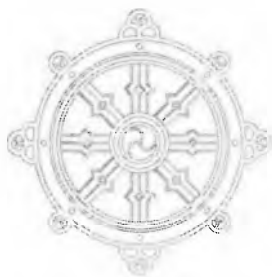
⁹ Tham chiếu: A. II. 52, *Vipallāśasutta* (Kinh Diên đảo); *Xuất diệu kinh* “Ái phẩm” 出曜經愛品 (T.04. 0212.3. 0632b21); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tham phẩm” 法集要頌經貪品 (T.04. 0213.3. 0778b16).

– Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma và chói sáng như mặt trời. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thành tựu Vô học giới uẩn, thành tựu Vô học định uẩn, thành tựu Vô học tuệ uẩn. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo vượt qua được thế lực của Ác ma và chói sáng như mặt trời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Giới, định và trí tuệ,	Với ai khéo tu tập,
Vị ấy vượt qua khỏi,	Thế lực của Ác ma,
Và chói sáng, rực sáng,	Như mặt trời chói sáng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTTIYAVAGGA*)

§1. KINH PHƯỚC NGHIỆP SỰ (*Puñṇakiriyavatthusutta*)¹⁰ (*It.* 51)

60. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này. Thế nào là ba? Phước nghiệp sự do bố thí tác thành, phước nghiệp sự do giới tác thành và phước nghiệp sự do sự tu tập tác thành. Nay các Tỷ-kheo, có ba phước nghiệp sự này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Hãy để cho người ấy,	Học tập làm phước đức,
Đem lại sự an lạc,	Dài lâu và cao quý,
Hãy tu tập bố thí,	Tập sở hành an tịnh,
Và tu tập từ tâm.	Tu xong ba pháp ấy,
Những pháp khởi lạc thọ,	Bậc hiền trí được sanh,
Tại thế giới an lạc,	Không phiền não, hận thù.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH MẮT (*Cakkhusutta*)¹¹ (*It.* 52)

61. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba con mắt này.¹² Thế nào là ba? Mắt thịt, mắt chư thiên và mắt trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, có ba con mắt này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Mắt thịt, mắt chư thiên,	Vô thượng mắt trí tuệ,
Có ba loại mắt ấy,	Được bậc Vô thượng nhân,
Đã tuyên bố trình bày.	Mắt thịt nơi sanh khởi,
Đưa đến mắt chư thiên,	Khi nào trí khởi lên,
Tuệ nhãn là tối thượng,	Ai chứng được mắt ấy,
Giải thoát mọi đau khổ.	

¹⁰ Xem *It.* 14, *Mettasutta* (Kinh Tâm từ); *A.* IV. 241, *Puñṇakiriyavatthusutta* (Kinh Phước nghiệp sự).

¹¹ Xem *Miln.* 119, *Sivirājacakkhudānapaṇḥa* (Câu hỏi về hạnh bố thí mắt của Vua Sivi); *Kv.* 252, *Dibbacakkhukathā* (Vấn đề thiên nhãn).

¹² Thường nói đến 4, theo thứ tự như sau: Nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH CĂN (*Indriyasutta*)¹³ (It. 53)

62. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba loại căn này.¹⁴ Thế nào là ba? Vị tri đương tri căn, tri căn, cụ tri căn (căn “Tôi sẽ biết điều chưa được biết”; căn về sự biết; căn của người đã biết). Nay các Tỷ-kheo, có ba loại căn này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Vị Hữu học học tập,	Đi theo con đường thẳng,
Ở trong sự diệt tận,	Trí thứ nhất khởi lên,
Từ đó không gián đoạn.	Tiếp theo là chơn trí,
Chính từ chơn trí ấy,	Đạt được sự giải thoát,
Chắc chắn vị như vậy,	Là vị có chánh trí,
Giải thoát, ta bất động,	Nhờ diệt hữu kiết sử.
Vị đầy đủ các căn,	Chắc chắn được an tịnh,
Và ưa thích con đường,	Đưa đến sự an tịnh,
Mang thân thể cuối cùng,	Sau khi đánh bại được,
Ác ma với ma quân.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH THỜI GIAN (*Addhāsutta*)¹⁵ (It. 53)

63. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Nay các Tỷ-kheo, có ba thời gian này. Thế nào là ba? Thời gian quá khứ, thời gian tương lai, thời gian hiện tại. Nay các Tỷ-kheo, có ba thời gian này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Chúng sanh cần tưởng đến,	Những gì được tuyên bố,
An trú thật vững vàng,	Trên điều được tuyên bố,
Nếu không có liễu tri,	Điều đáng được tuyên bố,
Họ đi đến ách nạn,	Dưới ách của thân chết.
Nếu đã liễu tri được,	Điều đáng được tuyên bố,
Vị ấy không nghĩ đến,	Bậc đã tuyên bố lên,

¹³ Xem It. 103, *Āsavakkhaya*; A. I. 231, *Sekkhasutta* (Kinh Hữu học); A. II. 17, *Sokhummasutta* (Kinh Tế nhị); Pe. 60.

¹⁴ *Indriyāṇi*, các căn với nghĩa là sức mạnh. Xem S. V. 203 với nghĩa là phương pháp. Ở đây, ba căn này liên hệ đến tương lai, hiện tại, quá khứ như được nói trong kinh kế tiếp. Về căn thứ 3, *Chú giải* giải thích như sau: Căn của vị đã biết được đối với bốn sự thật, đã thành tựu những gì cần phải làm.

¹⁵ Xem S. I. 8, *Samiddhisutta* (Kinh Samiddhi).

Chính nhờ có tâm ý,
Con đường thật an tịnh,
Ai thật được đầy đủ,
Tự mình được an tịnh,
Sống bình tĩnh, tinh tấn,
Vị ấy vượt tên gọi,

Cảm nhận sự giải thoát,
Vô thượng không gì hơn.
Về điều đáng tuyên bố,
Ưu thích đường an tịnh,
An trú trên Chánh pháp,
Thành đạt được trí tuệ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH ÁC HẠNH (*Duccaritasutta*)¹⁶ (It. 54)

64. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba ác hạnh này. Thế nào là ba? Thân ác hạnh, lời ác hạnh, ý ác hạnh. Nay các Tỷ-kheo, có ba ác hạnh này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Làm ác hạnh về thân,	Làm ác hạnh về lời,
Làm ác hạnh về ý,	Và bất cứ hạnh gì,
Đều được gọi hạnh ác.	Không làm nghiệp lành nào,
Làm nhiều nghiệp không thiện,	Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ hạ liệt,	Vị ấy phải sanh vào,
Trong cảnh giới địa ngục.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH THIỆN HẠNH (*Sucaritasutta*)¹⁷ (It. 55)

65. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba thiện hạnh này. Thế nào là ba? Thân thiện hạnh, ngữ thiện hạnh, ý thiện hạnh. Nay các Tỷ-kheo, có ba thiện hạnh này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Từ bỏ thân làm ác,	Từ bỏ lời nói ác,
Từ bỏ ý nghĩ ác,	Và bất cứ hạnh gì,
Được gọi là hạnh ác.	Không làm các điều ác,
Làm nhiều những thiện hạnh,	Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ thù thắng,	Vị ấy được sanh lên,
Trong cảnh giới chư thiên.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

¹⁶ Tham chiếu: It. 24; A. III. 351, *Īnasutta* (Kinh Mặc nợ); Dh. v. 140; *Pháp cú kinh* “Đạo trọng phẩm” 法句經刀杖品 (T.04. 0210.18. 0565a29); *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

¹⁷ Xem It. 25.

§7. KINH THANH TỊNH (*Soceyyasutta*)¹⁸ (It. 55)

66. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh¹⁹ này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, lời thanh tịnh, ý thanh tịnh. Nay các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Thân và lời thanh tịnh,	Và ý cũng thanh tịnh,
Không có các lậu hoặc,	Đầy đủ sự thanh tịnh,
Vị như vậy được gọi,	Đã từ bỏ tất cả.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH TỊCH MẶC (*Moneyyasutta*)²⁰ (It. 56)

67. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng²¹ này. Thế nào là ba? Thân trầm lặng, lời trầm lặng, ý trầm lặng. Nay các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Thân và lời trầm lặng,	Và ý cũng trầm lặng,
Không có các lậu hoặc,	Đầy đủ với trầm lặng,
Của các bậc ẩn sĩ,	Được tên gọi là vị,
Đã gột sạch điều ác.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH THỨ NHẤT VỀ THAM (*Paṭhamarāgasutta*) (It. 56)

68. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, với ai tham chưa đoạn tận, sân chưa đoạn tận, si chưa đoạn tận, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người bị trói buộc với Ác ma, bị bẫy lưới của Ác ma bao trùm, bị làm theo ý Ác ma muốn. Nay các Tỷ-kheo, với ai tham đã đoạn tận, sân đã đoạn tận, si đã đoạn tận, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người không bị trói buộc với Ác ma, được thoát khỏi bẫy lưới của Ác ma, không bị làm theo Ác ma muốn.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với ai đã từ bỏ,	Tham, sân và vô minh,
Vị ấy được gọi là,	Đã tu tập tự ngã,

¹⁸ Xem A. I. 272, *Dutiyasoceyyasutta* (Kinh thứ hai về thanh tịnh).

¹⁹ Xem A. I. 270; S. I. 78.

²⁰ Xem A. I. 273, *Moneyyasutta* (Kinh Hạnh toàn hảo).

²¹ Xem D. III. 220; A. I. 273.

Đã trở thành Phạm thiên,
Bậc đã vượt qua được,
Bậc Đoạn Tận Tất Cả,

Bậc Như Lai, Phật-đà,
Hận thù và sợ hãi,
Được gọi danh như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH THỨ HAI VỀ THAM (*Dutiyaṛāgasutta*) (It. 57)

69. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni²² nào, này các Tỷ-kheo, tham chưa đoạn tận, sân chưa đoạn tận, si chưa đoạn tận, này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị chưa vượt qua đại dương với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá sấu, với các loài la-sát.²³ Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, tham đã đoạn tận, sân đã đoạn tận, si đã đoạn tận, này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị đã vượt qua đại dương với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài la-sát, đã vượt qua bờ kia, là vị Bà-la-môn đã đứng trên đất liền.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Với ai đã từ bỏ,
Vị ấy được gọi là,
Với cá sấu, la-sát,
Rất khó được vượt qua.
Đã từ bỏ thân chết,
Đã từ bỏ đau khổ,
Đã đi đến mục đích,
Ta nói rằng vị ấy,

Tham, sân và vô minh,
Đã vượt qua biển này,
Với sóng biển hãi hùng,
Là vị vượt ác triền,²⁴
Không còn có sanh y,
Không còn có tái sanh,
Không thể ước lượng được,
Làm Ma vương si ám.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

²² Lần đầu tiên trong tập này, Tỷ-kheo-ni được nói đến.

²³ Xem S. IV. 154; A. II. 123.

²⁴ Có 5: Tham, sân, si, mạn, kiến.

III. PHẨM THỨ BA (*TATIYAVAGGA*)

§1. KINH TÀ KIẾN (*Micchādiṭṭhikasutta*) (It. 58)

70. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: “Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.” Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: “Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.”

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến:

Dẫn ý vào đường tà,	Nói những lời tà ngữ,
Với thân làm nghiệp tà,	Người ở đời làm vậy.
Ít nghe, ít học hỏi,	Không làm các công đức,
Ở đây sống trong đời,	Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,	Người ấy với liệt tuệ,
Bị sanh vào địa ngục.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH CHÁNH KIẾN (*Sammādiṭṭhikasutta*) (It. 59)

71. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân

hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Nay các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: “Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.” Và nay các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng: “Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.”

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Dẫn ý vào đường chánh,	Nói những lời chánh ngữ,
Với thân làm nghiệp chánh,	Người ở đời làm vậy.
Nghe nhiều học hỏi nhiều,	Làm các việc công đức,
Ở đây sống trong đời,	Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,	Người ấy với trí tuệ,
Người ấy làm như vậy,	Được sanh lên cõi trời.

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH XUẤT LY (*Nissaraṇīyasutta*) (It. 60)

72. Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba xuất ly giới này.²⁵ Thế nào là ba? Sự xuất ly khỏi các dục, tức là viễn ly. Sự xuất ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Sự đoạn diệt cái gì được hiện hữu, được làm ra, được duyên khởi, là sự xuất ly cái ấy. Nay các Tỷ-kheo, có ba xuất ly giới này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Biết được xuất ly dục,	Vượt qua được các sắc,
Luôn nhiệt tâm tinh tấn,	Tịnh chỉ tất cả hành.
Tỷ-kheo ấy thấy chánh,	Từ đây, chính ở đây,
Vị ấy được giải thoát,	Thắng trí được viên thành,
Sống nếp sống an tịnh,	Vị ấy sống như vậy,
Thật sự là ẩn sĩ,	Đã vượt khỏi các ách.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

²⁵ Xem D. III. 239; A. III. 245.

§4. KINH AN TỊNH HƠN (*Santatarasutta*)²⁶ (It. 61)

73. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, các pháp vô sắc an tịnh tốt hơn các sắc pháp; đoạn diệt an tịnh tốt hơn các pháp vô sắc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Chúng sanh đi đến sắc,	Có chúng trú vô sắc,
Không quán tri đoạn diệt,	Họ đi đến tái sanh.
Những ai liễu tri sắc,	Không an trú vô sắc,
Chính trong sự đoạn diệt,	Họ đạt được giải thoát,
Các hạng người như vậy,	Họ bỏ rơi thân chết.
Với thân đạt đến được,	Bất tử không sanh y,
Sanh y được xả ly,	Chúng được không lậu hoặc,
Vị Chánh đẳng Chánh giác,	Thuyết giảng về con đường,
Con đường không sàu muộn,	Con đường không cầu ướ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH CON TRAI (*Puttasutta*) (It. 62)

74. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba hạng con trai này xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? Ưu sanh, tùy sanh, liệt sanh.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là người con trai ưu sanh? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, ác giới, theo các ác pháp. Còn người con của họ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là người con trai ưu sanh.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là người con trai tùy sanh? Ở đây, nay các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Người con trai của họ cũng quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là người con trai tùy sanh.

²⁶ Xem S. I. 290, *Cālāsutta* (Kinh Cālā); Sn. 139, *Dvayatānupassanāsutta* (Kinh Hai pháp tùy quán).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người con trai liệt sanh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, cha mẹ của người con trai này quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, giữ giới, theo các pháp lành. Và người con của họ không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu, ác giới, theo các ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người con trai liệt sanh.

Này các Tỷ-kheo, có ba hạng con trai này có mặt, xuất hiện ở đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Bậc hiền trí ước muốn,	Con trai ưu, tùy sanh,
Không ước muốn liệt sanh,	Một gánh nặng gia đình.
Đời có những con này,	Trở thành nam cư sĩ,
Sống đầy đủ tín giới,	Biết nghe lời người khác,
Xa lìa sự xan tham,	Những người con như vậy,
Như trăng thoát đám mây,	Chói sáng giữa hội chúng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH KHÔNG MƯA (*Avuṭṭhikasutta*) (It. 64)

75. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là ba? Hạng người như hạn hán, hạng người như mưa chỉ trong địa phương và hạng người như mưa đổ xuống khắp tất cả.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như hạn hán không mưa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không bố thí cho ai cả; không cho đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc cho Sa-môn, Bà-la-môn, cho các người lang thang ăn xin nghèo khổ, khốn cùng. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy là hạng người như hạn hán không mưa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như mưa chỉ trong địa phương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có bố thí cho một số người, nhưng không bố thí cho một số người; dầu số người đó là Sa-môn, Bà-la-môn hay các người lang thang ăn xin nghèo khổ, khốn cùng, họ không bố thí đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc. Này các Tỷ-kheo, hạng người như vậy là hạng người như mưa chỉ trong địa phương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như mưa đổ xuống khắp tất cả? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người cho tất cả mọi người; cho đồ ăn, đồ uống, vải, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu xoa, sàng tọa, đèn đuốc cho các Sa-môn, Bà-la-môn, cho các người lang thang ăn xin nghèo khổ, khốn cùng.

Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Không cho hạng Sa-môn,	Không cho Bà-la-môn,
Không cho kẻ khốn cùng,	Không cho người ăn xin,
Không san sẻ cho người,	Những đồ thân hoạch được,
Như đồ ăn, đồ uống,	Cùng các vật thực khác,
Hạng ấy thật giống như,	Hạn hán không mưa móc,
Hạng người ấy được gọi,	Là hạng người hạ liệt.
Không cho một hạng người,	Chỉ lựa cho một số,
Hạng ấy được hiển trí,	Gọi là những hạng người,
Chỉ mưa tại địa phương,	Không mưa tại chỗ khác.
Hạng người mưa bố thí,	Cùng khắp tất cả chỗ.
Có lòng thương từ mẫn,	Đối với mọi hữu tình,
Với tâm thật hoan hỷ,	Tung vãi cho cùng khắp,
Hãy cho! Hãy cho nữa!	Vị ấy luôn nói vậy.
Như mây đông gầm thét,	Chớp sáng mưa đổ xuống,
Tràn ngập chỗ đất cao,	Tràn đầy chỗ đất trũng,
Chảy tràn với nước ngập.	Cũng vậy ở đời này,
Có một số hạng người,	Hạng người giống như vậy.
Thâu hoạch được đúng pháp,	Tài sản do nỗ lực,
Với đồ ăn, đồ uống,	Vị ấy chơn chánh đãi,
Những chúng sanh khốn cùng.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH HY VỌNG ĐƯỢC LẠC (*Sukhapatthanāsutta*)²⁷ (It. 67)

76. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới. Thế nào là ba? “Mong rằng lời tán thán sẽ đến với ta”, bậc Hiền trí hộ trì giới. “Mong rằng, tài sản sẽ khởi lên cho ta”, bậc Hiền trí hộ trì giới. “Mong rằng khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này”, bậc Hiền trí hộ trì giới. Này các Tỷ-kheo, do hy vọng được ba lạc này, bậc Hiền trí hộ trì giới.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến:

Bậc Trí hộ trì giới,	Hy vọng được ba lạc,
Được khen, được tài sản,	Đời sau sống hoan hỷ,
Trong cảnh giới chư thiên.	Nếu không làm điều ác,
Nhưng theo kẻ làm ác,	Thì bị nghi làm ác,

²⁷ Xem *Thag.* v. 608; *J.* IV. 432-36, *Sattigumbajātaka* (*Chuyện anh vũ Sattigumba*), số §503; *J.* VI. 221-55, *Mahānārada-kassapajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa*), số §545 (CST).

Và bị tăng tiếng xấu.
Giống như người làm theo,
Giống như người cộng trú.
Xúc chạm, được xúc chạm,
Nhiễm bó tên chưa nhiễm,
Nên không bạn kẻ ác.
Dùng gói đồ cá thúì,
Cũng vậy gài kẻ ngu.
Gói hương tagara,
Cũng vậy gài bậc Trí,
Cái giỏ bằng lá ấy,
Sẽ rơi vào tự mình,
Những hạng người bất thiện,
Những người lành hiền thiện.
Dắt dẫn đến địa ngục,
Đạt đến cảnh thiện thú.

Giống như người làm bạn,
Người này giống người ấy,
Người theo, người được theo,
Như cây tên nhiễm độc,
Bậc Trí vì sợ nhiễm,
Với ngọn cỏ kusa,
Kusa bay mùi thúì,
Còn người dùng ngọn lá,
Ngọn lá bay mùi thơm,
Do vậy nhờ nghĩ đến,
Biết được những cái gì,
Bậc Hiền trí không theo,
Chỉ biết làm bạn thân,
Những kẻ ác bất thiện,
Còn những kẻ tốt lành,

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH BIẾN HOẠI (*Bhidurasutta*) (It. 69)

77. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Đây các Tỷ-kheo, thân này bị biến hoại, thức bị lụn tàn, tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự thay đổi.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến:

Biết thân bị biến hoại,	Còn thức bị lụn tàn,
Thấy sợ trong sanh y,	Hiểu được sanh và chết,
Sau khi chứng đạt được,	Sự an tịnh tối thượng,
Tự ngã được tu tập,	Chỉ còn đợi thời gian.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH KẾT GIAO TÙY THEO BẢN CHẤT (*Dhātusosaṃsandanasutta*)²⁸ (It. 69)

78. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Đây các Tỷ-kheo, các chúng sanh tùy theo bản chất giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ giao thân, chung dòng với các

²⁸ Tham chiếu: S. II. 155, *Caṅkamasutta* (Kinh Đi cùng nhau); S. II. 157, *Sagāthāsutta* (Kinh Có kệ); Thag. v. 147, 264, *Tạp. 雜* (T.02. 0099.446. 0115a12); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.448. 0115b24).

chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, trong thời gian quá khứ, các chúng sanh tùy theo bản chất đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng đã giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, trong thời tương lai, các chúng sanh tùy theo bản chất sẽ giao thân, sẽ chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng sẽ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Này các Tỷ-kheo, hiện nay cũng vậy, trong thời hiện tại, các chúng sanh tùy theo bản chất giao thân, chung dòng với các chúng sanh. Hạng chúng sanh hướng hạ giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng hạ. Các chúng sanh hướng thượng giao thân, chung dòng với các chúng sanh hướng thượng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Rừng đục được sanh lên,	Chính do sự cộng trú,
Rừng đục được chặt đứt,	Chính nhờ không cộng trú;
Như leo tấm gỗ nhỏ,	Bị chìm dưới sông lớn,
Cũng vậy nếu đi đến,	Với kẻ lười biếng nhác,
Bạc sống đời tốt lành,	Rồi cũng bị chìm luôn.
Do vậy hãy tránh xa,	Kẻ lười không tinh tấn!
Hãy chung sống cộng trú,	Với bậc Thánh viễn ly!
Với những bậc tinh cần,	Sống trong cảnh thiên định,
Với những vị thường xuyên,	Siêng năng và cần mẫn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH TÔN GIẢM (*Parihānasutta*) (It. 71)

79. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học ưa thích công việc, thích thú công việc, đam mê ưa thích công việc; ưa thích nói chuyện, thích thú nói chuyện, đam mê ưa thích nói chuyện; ưa thích nằm ngủ, thích thú nằm ngủ, đam mê ưa thích nằm ngủ. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học.

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học không ưa thích công việc, không thích thú công việc, không đam mê ưa thích công việc; không ưa thích nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không đam mê ưa thích

nói chuyện; không ưa thích nằm ngủ, không thích thú nằm ngủ, không đam mê ưa thích nằm ngủ. Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tổn giảm cho Tỷ-kheo Hữu học.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Tỷ-kheo thích công việc,	Thích thú trong nói chuyện,
Và ưa thích nằm ngủ,	Sống dao động, trạo cử,
Vị Tỷ-kheo như vậy,	Không thể nào chứng ngộ,
Chúng Bồ-đề tối thượng.	Do vậy đổi vị ấy,
Cần phải ít công việc,	Phải ít sự nằm ngủ,
Không được có tháo động,	Vị Tỷ-kheo như vậy,
Mới có thể chứng được,	Chúng tối thượng Bồ-đề.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



IV. PHẨM THỨ TƯ (CATUTTHAVAGGA)

§1. KINH SUY TÂM (*Vitakkasutta*) (It. 72)

80. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này. Thế nào là ba? Tầm tư liên hệ đến tự đề cao mình; tầm tư liên hệ đến lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; tầm tư liên hệ đến lo lắng cho người khác. Nay các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai có sự liên hệ,	Tự đề cao chính mình,
Liên hệ đến lợi dưỡng,	Cung kính và tôn trọng,
Ai ưa thích, vui thích,	Làm thân, làm bạn hữu,
Những vị ấy đứng xa,	Diệt tận các kiết sử.
Ai từ bỏ con cái,	Từ bỏ các loài vật,
Từ bỏ các lễ cưới,	Bỏ cất chứa tài sản,
Tỷ-kheo ấy có thể,	Chứng Bồ-đề vô thượng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH CUNG KÍNH (*Sakkārasutta*)²⁹ (It. 73)

81. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh³⁰ bị cung kính chinh phục, bị tâm cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

²⁹ Xem S. II. 231, *Sagāthakasutta* (Kinh Có kệ); Thag. v. 981, *Sāriputtattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Sāriputta).

³⁰ Xem S. I. 232.

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: “Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.”

Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra nên Ta tuyên bố rằng: “Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh bị cung kính chinh phục, tâm bị cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị không cung kính chinh phục, tâm bị không cung kính xâm chiếm; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh khi bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm bởi cả hai cung kính và không cung kính; sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.”

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai khi được cung kính,	Khi không được cung kính,
Trong cả hai trường hợp,	Tâm định không lay chuyển,
Sống hạnh không phóng dật,	Tâm thường nhập thiền tư,
Với tâm tưởng tề nhị,	Chánh quán các sở kiến,
Ưu thích chấp thủ diệt,	Được gọi bậc chân nhân.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH TIẾNG NÓI CỦA CHƯ THIÊN (*Devasaddasutta*) (It. 75)

82. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Này các Tỷ-kheo, giữa chư thiên, có ba tiếng chư thiên này, thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư thiên được vang lên: “Vị Thánh đệ tử này nghĩ đến chiến đấu với Ác ma.” Này các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư thiên thứ nhất, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử sống chuyên tâm tu tập về bảy Bồ-đề phần, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, tiếng chư thiên được vang

lên: “Vị Thánh đệ tử này chiến đấu với Ác ma.” Nay các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư thiên thứ hai, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư thiên, tùy thời được khởi lên.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, khi nào bậc Thánh đệ tử, với sự diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, trong khi ấy, nay các Tỷ-kheo, tiếng chư thiên vang lên: “Vị Thánh đệ tử này đã chiến thắng trong chiến trận, đứng đầu trong chiến trận, sau khi chiến thắng, vị ấy an trú.” Nay các Tỷ-kheo, đây là tiếng chư thiên thứ ba, thỉnh thoảng được vang lên giữa chư thiên, tùy thời được khởi lên.

Nay các Tỷ-kheo, giữa chư thiên, có ba tiếng chư thiên này, thỉnh thoảng được vang lên, tùy thời được khởi lên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Thấy đệ tử Chánh giác,	Chiến thắng trong chiến trận,
Chư thiên cũng đánh lễ,	Bậc vĩ đại như vậy.
Bậc trí tuệ chín muồi,	Chúng tôi đánh lễ Ngài,
Người được luyện thuần thục!	Vì Ngài đã chiến thắng,
Trận đánh rất khó thắng,	Ngài đã chiến thắng được,
Quân đội của thần chết,	Không còn trở ngại gì,
Nhờ giải thoát của Ngài.	Như vậy các thiên nhân,
Đánh lễ vị như vậy,	Vì đạt được mục đích, ³¹
Chắc chắn các thiên nhân,	Đánh lễ trong vị ấy,
Pháp gì giúp thoát được,	Khỏi thần chết chi phối.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH NĂM TƯỚNG XUẤT HIỆN TRƯỚC

(*Pañcapubbanimittasutta*)³² (It. 76)

83. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, khi nào một thiên nhân mạng chung từ bỏ thân chư thiên, có năm tướng xuất hiện ra trước: Các vòng hoa héo úa, áo quần bị ứ nhiễm, mồ hôi chảy ra từ nách, thân sắc trở thành xấu xí, thiên nhân không hoan hỷ tại chỗ ngồi chư thiên. Nay các Tỷ-kheo, chư thiên sau khi biết thiên tử này mạng chung, nói ba lời để cổ vũ: “Từ đây, Hiền giả hãy đi đến cõi lành! Sau khi đi đến cõi lành, hãy nhận được những gì khéo nhận được! Sau khi nhận được những gì khéo nhận được, hãy khéo an trú!”

³¹ Xem M. I. 4; S. II. 229; V. 237.

³² Xem Ap. I. 195, *Ekacintikattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão *Ekacintika*); Ap. I. 205, *Niggundipupphiyattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão *Niggundipupphiya*).

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là đi đến cõi lành của chư thiên? Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư thiên? Bạch Thế Tôn, thế nào được gọi là khéo an trú của chư thiên?

– Nay các Tỷ-kheo, được địa vị làm người, được gọi là đi đến cõi lành của chư thiên. Khi được địa vị làm người, được lòng tin trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nhận được những gì khéo nhận được của chư thiên. Khi lòng tin được nhập vào, được an trú thành gốc rễ, kiên trì, không bị làm tan nát³³ bởi Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhân, Ác ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời thì được gọi là khéo an trú của chư thiên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Khi nào vị thiên nhân,	Từ bỏ thân chư thiên,
Vì thọ mạng đã hết,	Ba tiếng được thốt lên,
Do chư thiên an ủi,	Cổ vũ khiến hoan hỷ:
Từ đây, này Hiền giả,	Hãy đi đến cõi lành,
Cộng trú với loài người;	Khi đã được làm người,
Trong Chánh pháp vi diệu,	Hãy lấy được lòng tin,
Lòng tin ấy vô thượng;	Hiền giả hãy thâm nhập,
Vào trong lòng tin ấy,	An trú thành gốc rễ,
Cho đến trọn sanh mạng,	Không bị làm tan nát,
Trong Diệu pháp khéo giảng;	Từ bỏ thân làm ác,
Từ bỏ lời nói ác,	Từ bỏ ý nghĩ ác,
Và mọi hành động khác,	Được xem là thuộc ác;
Thân làm các hạnh lành,	Làm nhiều lời nói lành,
Sau khi ý nghĩ lành,	Vô lượng không sanh y;
Rồi làm các công đức,	Cho sanh y đời sau,
Làm xong nhiều công đức,	Với bố thí rộng rãi,
Rồi an trú người khác,	Bị tử vong chi phối,
Trong đời sống Phạm hạnh,	Trong Chánh pháp vi diệu.
Với lòng từ mẫn này,	Chư thiên khi biết được,
Một thiên nhân mạng chung,	Liên nói lời cổ vũ:
“Thiên nhân hãy đến đây,	Hãy đến lại nhiều lần!”

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH LỢI ÍCH CHO NHIỀU NGƯỜI (*Bahujanahitasutta*) (It. 78)

84. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

³³ Xem S. V. 219.

– Có ba hạng người này xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất xuất hiện ở đời, xuất hiện đem lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đệ tử của bậc Đạo sư ấy, bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cần làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích của mình đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, đã giải thoát nhờ chánh trí. Vị ấy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đệ tử bậc Đạo sư ấy là bậc Hữu học, đang đi trên con đường, vị nghe nhiều, giới cấm được gìn giữ. Vị ấy cũng thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ ba xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người xuất hiện ở đời, xuất hiện đem đến hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Bậc Đạo sư ở đời,	Đại ân sĩ thứ nhất;
Tiếp nối theo vị ấy,	Là đệ tử Đạo sư,
Đã tu tập tự ngã;	Tiếp đến bậc Hữu học,
Đang đi trên con đường,	Bậc nghe nhiều học nhiều,
Bậc giới cấm đầy đủ;	Ba vị tối thượng này,
Giữa chư thiên, loài người,	Bậc tác thành hào quang,
Bậc tuyên bố Chánh pháp,	Mở toang cửa bất tử,
Đã giúp đỡ nhiều người,	Thoát ly khỏi ách nạn.
Những ai tùy bước theo,	Con đường khéo thuyết giảng,
Bởi bậc Vô Thượng Sĩ,	Bậc Dẫn Đầu Lữ Hành,

Vị ấy tại đời này, Châm dứt mọi khổ đau,
 Những vị không phóng dật, Trong giáo lý Thiện Thệ.
 Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH TÙY QUÁN BẤT TỊNH (*Asubhānupassīutta*) (It. 80)

85. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy sống tùy quán bất tịnh trên thân; hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành.

Nay các Tỷ-kheo, khi sống tùy quán bất tịnh trên thân, tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ; khi khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có; khi sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Quán bất tịnh trên thân,	Niệm thở vô thở ra,
Tịnh chỉ tất cả hành,	Thường nhiệt tâm, chánh kiến,
Vị Tỷ-kheo như vậy,	Đã thấy rất chơn chánh,
Từ đây ở nơi đây,	Vị ấy được giải thoát,
Thắng trí được thành tựu,	Lắng dịu thật an tịnh,
Vị ẩn sĩ như vậy,	Chắc vượt khỏi ách nạn.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH TUÂN TỰ HÀNH TRÌ GIÁO PHÁP

(*Dhammānudhammapaṭipannasutta*)³⁴ (It. 81)

86. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Với vị Tỷ-kheo hành trì tùy pháp đúng pháp, đây là cách thức đúng đắn để giải thoát những chớ: “Thực hành tùy pháp đúng pháp.” Khi vị ấy nói, vị ấy nói đúng pháp, không phải phi pháp; khi vị ấy suy tư, vị ấy suy tư với suy tư đúng pháp, không phải suy tư phi pháp. Do từ bỏ hai điều ấy, vị ấy trừ xả, chánh niệm tỉnh giác.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Thích pháp, hân hoan pháp,	Suy tư trên Chánh pháp,
Tỷ-kheo tùy niệm pháp,	Chánh pháp không tổn giảm;

³⁴ Tham chiếu: *Dh.* v. 64; *Thag.* v. 1018; *Pháp cú kinh* “Sa-môn phẩm” 法句經沙門品 (T.04. 0210.34. 0571c29); *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bất-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

Khi đi hoặc khi đứng,
Nội tâm được chế ngự,

Khi ngồi hoặc khi nằm,
Vị ấy đạt an tịnh.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH TÁC THÀNH MÙ (*Andhakaraṇasutta*)³⁵ (It. 82)

87. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba tầm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, dục tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, sân tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, hại tầm tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, có ba tầm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có ba thiện tâm này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba? Viễn ly tâm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Vô sân tâm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Vô hại tâm, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, có ba thiện tâm này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Hãy suy tư, suy tầm,
Đôi ba tư duy ác,
Vị ấy chắc chế ngự,
Như cơn mưa đẹp sạch,
Vị ấy thật chắc chắn,
Ở đây vị ấy đạt,

Ba tầm thuộc chánh thiện,
Hãy từ bỏ lánh xa.
Hành tướng các tư duy,
Các bụi bặm chất chứa.
An tịnh tâm với tâm,
Con đường an tịnh đạo.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

³⁵ Tham chiếu: S. V. 97, *Nīvaranasutta* (Kinh Triền cái); Tạp. 雜 (T.02. 0099.706. 0189c02); *Pháp cú kinh* “Đạo hành phẩm” 法句經道行品 (T.04. 0210.28. 0569a17); *Xuất diệu kinh* “Đạo phẩm” 出曜經道品 (T.04. 0212.13. 0681b25); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Chánh đạo phẩm” 法集要頌經正道品 (T.04. 0213.12. 0783a08).

§9. KINH CẦU UẾ TRONG THÂN (*Antarāmalasutta*)³⁶ (It. 83)

88. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này. Thế nào là ba?

Tham, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Sân, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Si, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch. Nay các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Tham sanh ra bất hạnh,	Tham làm tâm dao động,
Tham chính là sợ hãi,	Sanh ra từ bên trong,
Loài người không rõ biết,	Loại tham đặc biệt ấy,
Người tham không biết rõ,	Đâu chính là lợi ích,
Người tham không thấy được,	Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lừa và tối tăm,	Sẽ xuất hiện có mặt,
Ở nơi một người nào,	Có tham cùng chung sống;
Ai đoạn trừ được tham,	Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ,	Như giọt nước lá sen.
Sân sanh ra bất hạnh,	Sân làm tâm dao động,
Sân chính là sợ hãi,	Sanh ra từ bên trong,
Loài người không rõ biết,	Lòng sân đặc biệt ấy,
Người sân không biết rõ,	Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được,	Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lừa và tối tăm,	Sẽ xuất hiện có mặt,
Ở nơi một người nào,	Có sân cùng chung sống;
Ai đoạn trừ được sân,	Không sân việc đáng sân,
Với ai sân đoạn trừ,	Như quả cây tãla,
Được chặt đứt khỏi cành.	Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,	Si chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,	Loài người không rõ biết,
Lòng si đặc biệt ấy,	Người si không rõ biết,
Đâu chính là lợi ích,	Người si không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp,	Mù lừa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện có mặt,	Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống;	Ai đoạn trừ được si,

³⁶ Xem A. IV. 94, *Kodhanasutta* (Kinh Phần nộ); MNid. 1, 338, 444.

Không si việc đáng si,
Tất cả mọi si ám,
Quét sạch mọi tâm tối.

Vị ấy quét sạch được,
Như mặt trời mọc lên,

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH DEVADATTA (*Devadattasutta*)³⁷ (It. 85)

89. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba Phi điều pháp, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa. Thế nào là ba? Bị chinh phục bởi ác dục, với tâm bị ác dục xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa. Bị chinh phục bởi ác bằng hữu, với tâm bị ác bằng hữu xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa. Dầu cho còn có những thượng pháp cần phải làm, do đạt được những chứng đắc đặc biệt, nhưng chỉ có giá trị tầm thường, Devadatta đã dừng lại giữa đường. Nay các Tỷ-kheo, bị chinh phục bởi ba Phi điều pháp này, với tâm bị chúng xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, bị rơi vào địa ngục, trú cả kiếp ở đây, không thể cứu chữa.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Người khởi lên ác dục,
Được biết nhờ điểm này,
Ta được nghe như sau,
Được biết là hiền trí,
Đã đứng được chói sáng,
Tự xem mình bằng Ngài,
Do vậy bị rơi vào,
Vớ bốn cửa đóng chặt,
Chắc chắn ai xâm phạm,
Vị không làm điều ác,
Vì tâm bị uế nhiễm,
Ai nghĩ làm ô nhiễm,
Vớ các ghè đưng đầy,
Không thể ô nhiễm được,
Cũng vậy đối Như Lai,
Vị đường đi chơn chánh,
Lời nói không đưng tới,

Không được sanh đời này,
Sanh thú người ác dục.
Về Devadatta:
Được nhận có tự ngã,
Chói sáng với danh vọng,
Đã chống lại Như Lai,
Cõi địa ngục A-tỳ,
Đầy đủ những sợ hãi.
Vị không có ác tâm,
Phải cảm xúc ác ấy,
Không có biết tôn trọng.
Toàn cả bề đại dương,
Đầy cả với thuốc độc,
Vì đại dương quá lớn.
Ai lấy lời làm hại,
Vị có tâm an tịnh,
Bậc chứng ngộ như vậy.

³⁷ Tham chiếu: *Vin.* II, 180; V. 115; *Xuất diệu kinh* “Phản nô phẩm” 出曜經忿怒品 (T.04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Oán gia phẩm” 法集要頌經怨家品 (T.04. 0213.14. 0784a14).

Bậc trí cần làm bạn,
 Cần phải gần thân cận,
 Tỷ-kheo cùng đi theo,
 Vị ấy sẽ đạt đến,

Với một người như vậy,
 Với người được như vậy;
 Một tuyến đường người ấy,
 Sự đoạn diệt khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



V. PHẨM THỨ NĂM (PAÑCAMAVAGGA)

§1. KINH TÍN THÀNH TỐI THƯỢNG (*Aggappasādasutta*)³⁸ (It. 87)

90. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe.³⁹

– Nay các Tỷ-kheo, có ba tín thành tối thượng này. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, so sánh các chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân; có sắc hay không có sắc; có tướng, không có tướng, hay không có tướng và không không có tướng; Như Lai được xem là tối thượng đối với chúng, tức là bậc A-la-hán Chánh đẳng Chánh giác. Nay các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành với đức Phật, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh các pháp hữu vi hay vô vi, ly tham được xem là tối thượng đối với họ, tức là say đắm bị nhiếp phục, khát ái bị chế ngự, chấp thủ được nhổ lên, lưu chuyển bị cắt đứt, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Nay các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành nơi ly tham, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh Tăng chúng hay hội chúng, Tăng chúng đệ tử của Như Lai được xem là tối thượng, tức là bốn đôi tám vị.⁴⁰ Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Nay các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành nơi Tăng chúng, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, nay các Tỷ-kheo, có ba quả dị thực là quả tối thượng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

Những ai có lòng tin,	Lòng tin nơi tối thượng,
Chính là sự rõ biết,	Biết Chánh pháp tối thượng;
Những ai có lòng tin,	Nơi đức Phật tối thượng,
Bậc Vô thượng xứng đáng,	Xứng đáng được cúng dường;

³⁸ Tham chiếu: S. V. 41; A. II. 34; III. 35; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.902-904. 0225c21-0226a02); *Tăng. 增* (T.02. 0125.21.1. 0601c27).

³⁹ Kinh này được tìm thấy trong A. II. 34, nhưng nói đến 4 pháp và thêm 8 chánh đạo. A. III. 35 cộng thêm các đức hạnh của bậc Thánh làm thành 5 pháp.

⁴⁰ Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán, 4 đạo và 4 quả thành 8.

Những ai có lòng tin,	Nơi Chánh pháp tối thượng,
Những pháp rời bỏ tham,	An tịnh thật tịnh lạc;
Những ai có lòng tin,	Nơi Tăng chúng tối thượng,
Những ruộng phước công đức,	Vô thượng không gì hơn;
Những ai đã bỏ thí,	Với đối tượng tối thượng,
Công đức được tăng trưởng,	Tăng trưởng đến tối thượng,
Thọ mạng được tối thượng,	Dung sắc cũng tối thượng,
Danh vọng, tiếng đồn tốt,	An lạc và sức mạnh.
Bậc trí có bỏ thí,	Bồ thí vị tối thượng,
Vị định tĩnh thiền định,	Trong Chánh pháp tối thượng,
Chư thiên hay loài người,	Đạt được sự tối thượng,
Họ sung sướng hân hoan.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH NGHỀ NUÔI SỐNG (*Jīvikasutta*)⁴¹ (It. 89)

91. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, nghĩa này là nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khát thực. Nay các Tỷ-kheo, danh từ nhiếp mạng ở trong đời là nói rằng: “Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi nơi.” Tuy vậy, chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những người sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ấy vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ, vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống, nhưng vì nghĩ rằng: “Nay ta bị rơi vào sanh-già-chết-sầu-bi-khô-uru-não, bị khổ tràn đầy, bị khổ chinh phục; rất có thể, một số phương pháp chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể trình bày.”

Nay các Tỷ-kheo, thiện nam tử này xuất gia như vậy, tham ái trong các dục, với lòng tham sâu dày, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang dại. Nay các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lăm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng, nay các Tỷ-kheo, Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Tài sản ở gia đình,	Được đoạn tận, từ bỏ,
Nhưng khó dự phần được,	Mục đích Sa-môn hạnh,

⁴¹ Tham chiếu: *Dh.* v. 307, 308; *It.* 42; *Vin.* III. 87; *Pháp cú kinh* “Địa ngục phẩm” 法句經地獄品 (T.04. 0210.30. 0570a05); *Pháp cú kinh* “Lợi dưỡng phẩm” 法句經利養品 (T.04. 0210.33. 0571b26); *Pháp cú kinh* “Sa-môn phẩm” 法句經沙門品 (T.04. 0210.34. 0571c29); *Xuất diệu kinh* “Hành phẩm” 出曜經行品 (T.04. 0212.10. 0668a04); *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.12. 0678a17); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Sa-môn phẩm” 法集要頌經沙門品 (T.04. 0213.11. 0782c02).

Tự đưa đến tổn hại,
Giống que lửa thiêu xác,
Lại có rất nhiều người,
Nhưng họ không chế ngự,
Do họ làm nghiệp ác,
Tốt hơn đối với họ,
Cháy đỏ y như lửa,
Không biết tự chế ngự,
Các món ăn quốc độ.

Và đưa đến tán loạn,
Đi đến chỗ hoại vong.
Tuy mặc áo cà-sa,
Đối với các pháp ác,
Nên phải sanh địa ngục.
Là nuốt hòn sắt tròn,
Còn hơn không giữ giới,
Nếu có ăn dùng gì,

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH VIÊN Y TĂNG-GIÀ-LÊ (*Saṅghāṭikāṇṇasutta*) (It. 90)

92. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viên y Tăng-già-lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có tham ái trong các dục, với lòng tham sâu dày, với tâm sân hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại, vị ấy xa hẳn Ta và Ta xa vị ấy. Vì có sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy pháp, do không thấy pháp nên không thấy Ta. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sông xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, không có lòng tham sâu dày, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy pháp, do thấy pháp nên thấy Ta.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Nếu có thể bước theo,
Hãy xem người như vậy,
Xa giữa người ái dục,
Xa giữa người lắng dịu,
Xa giữa người tham ái,
Sau khi thắng tri pháp,
Như ao không gió thổi,
Hãy xem người như vậy,
Gần giữa người không ái,
Gần giữa người lắng dịu,
Gần giữa người không tham,

Nhưng nhiều dục bức phiền,
Thật là xa rất xa,
Và người không ái dục,
Và người không lắng dịu,
Và người đã trừ ái.
Bậc hiền trí biết pháp,
Không dao động, tịnh chỉ,
Thật là gần rất gần,
Và người không có ái,
Và người được lắng dịu,
Và người trừ tham ái.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH LỬA (*Aggisutta*) (It. 92)

93. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba? Lửa tham, lửa sân, lửa si. Nay các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Lửa tham đốt cháy người,	Say mê trong các dục,
Còn lửa sân đốt cháy,	Những người có sân hận,
Những người giết, sát hại,	Các loài có sanh mạng,
Còn lửa si đốt cháy,	Những kẻ bị mê muội,
Những kẻ không tinh luyện,	Trong giáo pháp bậc Thánh.
Do không được biết rõ,	Các loại lửa như vậy,
Nên loài người ưa thích,	Vui thích với có thân;
Họ làm cảnh địa ngục,	Được lớn mạnh tăng trưởng,
Kẻ cả giới bằng sanh,	Chỗ sanh xứ súc vật,
Cùng với a-tu-la,	Với cảnh giới quỷ đói,
Họ không được thoát khỏi,	Trói buộc của Ác ma.
Nhưng ai ngày và đêm,	Chú tâm vào chuyên học,
Học những lời giảng dạy,	Bậc Chánh đẳng Chánh giác,
Họ làm cho lắng dịu,	Ngọn lửa của lòng tham,
Luôn luôn ý thức được,	Tánh bất tịnh sự vật;
Với lòng thương từ mẫn,	Những hạng người tối thượng,
Làm lắng dịu, tịnh chỉ,	Ngọn lửa của sân hận;
Còn ngọn lửa si mê,	Với trí tuệ dập tắt,
Trí tuệ này đưa đến,	Thể nhập vào chân lý,
Bậc thận trọng sáng suốt,	Ngày đêm làm lắng dịu,
Các loại lửa như vậy,	Không có biết mệt mỏi,
Họ viên tịch Niết-bàn,	Không một chút dư sót,
Họ vượt thoát khổ đau,	Không một chút dư tàn.
Những bậc Thánh đã thấy,	Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,	Thấy được nhờ chánh trí,
Do họ thắng tri được,	Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,	Sanh đi rồi sanh lại.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH QUÁN SÁT (*Upaparikkhasutta*) (It. 93)

94. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán

loạn, không có tản rộng; nội tâm không bị xâm chiếm, không chấp thủ, không bị khủng bố.⁴² Nay các Tỷ-kheo, khi thức của vị ấy đối với ngoại trần không bị tán loạn, không bị tản rộng; nội tâm không bị xâm chiếm, không chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không có sự sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Tỷ-kheo đã đoạn tận,	Cả bảy loại trói buộc, ⁴³
Đã chấm dứt tham muốn,	Vòng sanh tử luân chuyển,
Đã đoạn tận, chặn đứng,	Vị ấy không tái sanh.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH DỤC SANH KHỞI (*Kāmūpapattisutta*) (It. 94)

95. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi của dục. Thế nào là ba? Dục đối với sự vật hiện tại, sự thích thú đối với sự vật mình tạo ra, sự chi phối sự vật do người khác tạo ra. Nay các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi này của dục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Những ai có lòng dục,	Đối sự vật hiện tại,
Và các loại chư thiên,	Chi phối các sự vật,
Do người khác tạo ra,	Chư thiên ưa thích thú,
Đối sự vật mình tạo,	Cùng các chúng sanh khác,
Thọ dụng các loại dục.	Họ không vượt qua được,
Vòng sanh tử luân hồi,	Hiện hữu nơi đây, kia.
Biết nguy hiểm như vậy,	Trong thọ dụng các dục,
Thái độ người hiền trí,	Từ bỏ tất cả dục,
Dầu thuộc về chư thiên,	Và dục thuộc loài người.
Những ai được chặt đứt,	Dòng nước khó vượt qua,
Sự say đắm sự vật,	Thân ái và tốt đẹp,
Họ viên tịch Niết-bàn,	Không có chút dư sót,
Họ vượt qua đau khổ,	Không còn chút dư tàn.
Những bậc Thánh đã thấy,	Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,	Thấy được nhờ chánh trí,
Do họ thắng tri được,	Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,	Sanh đi rồi sanh lại.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

⁴² Xem M. III. 223; S. III. 14.

⁴³ Chú giải thích 7 loại trói buộc là ái, kiến, mạn, phẫn nộ, vô minh, phiền não và ác hạnh; cũng giải thích là 7 tùy miên tham, sân, kiến, nghi, mạn, hữu ái và vô minh.

§7. KINH TRÓI BUỘC CỦA DỤC (*Kāmayogasutta*) (It. 95)

96. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của dục, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của hữu là những bậc đến lại, đi đến lại đời này. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, này các Tỷ-kheo, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của hữu, những vị ấy là hạng Bất lai, không trở lui lại đời này nữa. Những ai chế ngự được sự trói buộc của dục, chế ngự được sự trói buộc của hữu, những vị ấy là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Những ai bị nhiếp phục,	Bởi trói buộc của dục,
Bởi trói buộc của hữu,	Bởi trói buộc cả hai,
Chúng sanh ấy đi đến,	Luân chuyển trong luân hồi,
Họ đi đến sanh tử.	Những ai đoạn tận dục,
Nhưng chưa đạt thành được,	Sự diệt tận lậu hoặc,
Họ còn bị nhiếp phục,	Bởi trói buộc của hữu,
Họ được gọi Bất lai.	Những ai chặt đứt được,
Mọi nghi hoặc phân vân,	Đoạn tận được kiêu mạn,
Đoạn tận được tái sanh,	Chắc chắn trong đời này,
Họ đi đến bờ kia,	Vì họ đã đạt tới,
Sự đoạn diệt lậu hoặc.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH GIỚI TỐT LÀNH (*Kalyāṇasīlasutta*)⁴⁴ (It. 96)

97. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành, được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là có giới tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp; như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

⁴⁴ Tham chiếu: *Dh.* v. 391; *Pháp cú kinh* “Phạm chí phẩm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* “Tâm ý phẩm” 出曜經心意品 (T.04. 0212.32. 0758c12); *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bất-sô phẩm” 法集要頌經必芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

Và thế nào là có pháp tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chuyên chú tu tập bảy pháp giác chi; như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là có tuệ tốt lành? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do diệt trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai với thân, với lời,	Với ý không phạm lỗi,
Vị ấy giới tốt lành,	Được gọi là Tỷ-kheo,
Có tâm, sợ tội lỗi.	Ai pháp khéo tu tập,
Những pháp giúp đạt đến,	Chúng được quả Bồ-đề,
Vị ấy pháp tốt lành,	Được gọi là Tỷ-kheo,
Không có dục trào ra.	Ai quán tri đau khổ,
Ở đây diệt trừ khổ,	Vị ấy tuệ tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,	Không có các lậu hoặc.
Đầy đủ những pháp ấy,	Thoát khỏi sự phiền muộn,
Chặt đứt mọi nghi ngờ,	Không luyến ái tham đắm,
Mọi sự vật ở đời,	Vị ấy được xưng gọi,
Vị đoạn tận tất cả.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH BỐ THÍ (*Dānasutta*) (It. 98)

98. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí: Bố thí tài vật và bố thí pháp; này các Tỷ-kheo, đây là bố thí tối thượng trong hai loại bố thí này, tức là bố thí pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này: Phân phát tài vật và phân phát pháp; này các Tỷ-kheo, đây là phân phát tối thượng trong hai loại phân phát này, tức là phân phát pháp. Này các Tỷ-kheo, có hai loại nhiều ích này, nhiều ích tài vật và nhiều ích pháp; này các Tỷ-kheo, đây là nhiều ích tối thượng trong hai loại nhiều ích này, tức là nhiều ích pháp.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Điều được gọi bố thí,	Thù thắng và vô thượng,
Và sự phân phát nào,	Được Thế Tôn tán thán,
Với tâm tư tín thành,	Trong ruộng phước tối thượng,
Bậc trí rõ biết vậy,	Ai lại không cúng dường?

Ai làm được cả hai,
Với tâm tư tịnh tín,
Lợi ích ấy của họ,

Những ai không phóng dật,

Nói lên và lắng nghe,
Trong lời dạy Thiện Thệ,
Là tối thắng thanh tịnh,
Trong lời dạy Thiện Thệ.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH BA MINH (*Tevijjasutta*)⁴⁵ (It. 98)

99. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: “Một Bà-la-môn có được Ba minh⁴⁶ một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.”⁴⁷ Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là Ta tuyên bố rằng: “Một Bà-la-môn có được Ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên”?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời quá khứ, ví như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây.” Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là Minh thứ nhất vị ấy chứng đạt; vô minh diệt, minh sanh, tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh

⁴⁵ Tham chiếu: *M. II. 133, 196; S. I. 356, 375; A. I. 163, 166; Dh. v. 423; Sn. 115; Thīg. v. 63; Pháp cú kinh* “Phạm chí phẩm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

⁴⁶ Vị Bà-la-môn Ba minh được nói đến ở *D. I. 81; A. I. 165*.

⁴⁷ Có thể chỉ cho những người đọc chú.

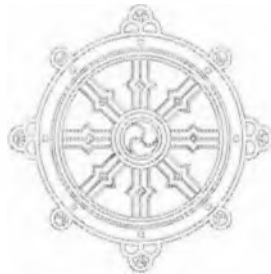
kiến; những người này, sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Đây là Minh thứ hai vị ấy chứng đạt; vô minh diệt, minh sanh, tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Đây là Minh thứ ba vị ấy chứng đạt; vô minh diệt, minh sanh, tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: “Một Bà-la-môn có được Ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.”

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai biết được đời trước,	Thấy thiên giới, đọa xứ,
Vị ấy đạt sanh diệt,	Thật là bậc Ân sĩ,
Đã thành tựu thắng trí.	Ba minh này thành tựu,
Là Phạm chí Ba minh,	Ta gọi vị như vậy,
Chính là bậc Ba minh,	Chớ không phải ai khác,
Do nói lời bập bẹ.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



CHƯƠNG IV

BỐN PHÁP

(CATUKKANIPĀṬA)

§1. KINH PHÁP TẾ TỰ BÀ-LA-MÔN

(*Brāhmaṇadhammayāgasutta*)¹ (It. 101)

100. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, Người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, Vô thượng y sĩ chữa trị, y sĩ giải phẫu. Các người thật là con của Ta, từ miệng sanh, từ pháp sanh, từ pháp tạo thành, thừa tự pháp, không thừa tự tài vật.

Nay các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí: Bố thí tài vật và bố thí pháp; nay các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai loại bố thí này, tức là bố thí pháp. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này: Phân phát tài vật và phân phát pháp; nay các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai loại phân phát này, tức là phân phát pháp.

Nay các Tỷ-kheo, có hai nhiều ích này: Nhiều ích tài vật và nhiều ích pháp; nay các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai loại nhiều ích này, tức là nhiều ích pháp. Nay các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này: Tế tự tài vật và tế tự pháp. Nay các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai loại tế tự này, tức là tế tự pháp.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Ai tế tự Chánh pháp,	Tế tự, không xan tham,
Như Lai có lòng từ,	Đối tất cả sinh vật,
Bậc tối thắng như vậy,	Giữa chư thiên, loài người,
Chúng sanh kính đánh lễ,	Vị đã vượt qua được,
Vượt qua dòng sanh hữu,	Đến được bờ bên kia.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§2. KINH ĐƯỢC LỢI DỄ DÀNG (*Sulabhasutta*) (It. 102)

101. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

¹ Xem M. II. 146, *Selasutta* (Kinh Sela), số 92; Sn. 102, *Selasutta* (Kinh Sela); Miln. 183, 215, 225.

– Nay các Tỷ-kheo, có bốn pháp này ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Thế nào là bốn? Trong các loại y, này các Tỷ-kheo, y phần tảo lược từ đồng rác là ít oi, dễ được và không phạm lỗi. Trong các loại đồ ăn, này các Tỷ-kheo, đi khát thực từng miếng là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các sàng tọa, này các Tỷ-kheo, gốc cây là ít oi, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại được phẩm, này các Tỷ-kheo, nước tiểu hôi là ít oi, dễ được, không có phạm lỗi. Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại ít oi, dễ được, không có phạm lỗi nào. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết đủ với các loại ít oi, dễ được này, Ta tuyên bố rằng đây là một chi phần Sa-môn hạnh của vị ấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Biết đủ với sự vật,	Ít oi dễ tìm được,
Lại không có phạm tội,	Tâm không bị phiền nhiễu,
Về vấn đề sàng tọa,	Y áo và ăn uống;
Tâm không bị lo lắng,	Về phương hướng phải đi,
Các pháp được tuyên bố,	Thuận lợi Sa-môn hạnh,
Họ được có đầy đủ,	Với Tỷ-kheo biết đủ,
Với vị không phóng dật.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§3. KINH DIỆT TẬN LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*)² (It. 103)

102. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, Ta thuyết sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy; không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỷ-kheo, cho người biết gì, cho người thấy gì là sự diệt tận các lậu hoặc?

Này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: “Đây là khổ”, là sự diệt tận các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: “Đây là khổ tập”, là sự diệt tận các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: “Đây là khổ diệt”, là sự diệt tận các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy rằng: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, là sự diệt tận các lậu hoặc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, cho người biết, cho người thấy là sự diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Vị Hữu học học tập,	Hành trì đường chánh trực,
Trong diệt tận ác pháp,	Là trí bậc thứ nhất.
Tiếp đến là chánh trí,	Chánh trí này vô thượng,

² Xem It. 53, *Indriyasutta* (Kinh Căn); M. I. 6, *Sabbāsavasutta* (Kinh Tất cả lậu hoặc), số 2; S. III. 152, *Vāsiṣṭhasutta* (Kinh Cán búa); S. IV. 434, *Āsavakkhayasutta* (Kinh Đoạn tận các lậu hoặc); A. I. 231, *Sekkhassutta* (Kinh Hữu học).

Tiếp theo chánh trí ấy,	Chính là sự giải thoát,
Giải thoát trí vô thượng,	Khởi trí về diệt tận,
Rằng các loại kiết sử,	Được đoạn tận ở đây,
Không phải kẻ biếng nhác,	Kẻ ngu không biết gì,
Có thể chứng ngộ được,	Niết-bàn vô thượng này,
Sự giải thoát hoàn toàn,	Tất cả mọi trói buộc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§4. KINH SA-MÔN HAY BÀ-LÀ-MÔN (*Samaṇabrāhmaṇasutta*) (It. 104)

103. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật quán tri: “Đây là khổ”, không như thật quán tri: “Đây là khổ tập”, không như thật quán tri: “Đây là khổ diệt”, không như thật quán tri: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”; những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, nay các Tỷ-kheo, không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nay các Tỷ-kheo, như thật quán tri: “Đây là khổ”, như thật quán tri: “Đây là khổ tập”, như thật quán tri: “Đây là khổ diệt”, như thật quán tri: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, thời này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Những ai không quán tri,	Khổ và khổ tập khởi,
Ở đây khổ hoàn toàn,	Được đoạn tận không dư,
Và không biết đường ấy,	Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Những vị ấy không có,	Tâm và Tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,	Phải đi đến sanh già.
Những vị nào quán tri,	Khổ và khổ tập khởi,
Ở đây khổ hoàn toàn,	Được đoạn tận không dư,
Rõ biết con đường ấy,	Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Tâm giải thoát thành tựu,	Và cả Tuệ giải thoát,
Họ có thể chấm dứt,	Không đi đến sanh già.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§5. KINH ĐẦY ĐỦ GIỚI (*Sīlasampannasutta*) (It. 106)

104. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến; những vị giáo giới, những vị giảng dạy, những vị tuyên bố, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, những bậc xứng đáng thuyết minh Diệu pháp, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ thấy các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ nghe các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ đi đến yết kiến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ thân cận các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy; này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ nhớ nghĩ đến các vị như vậy là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy. Nay các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng chỉ tùy theo các vị như vậy xuất gia là lợi ích nhiều cho các Tỷ-kheo ấy. Vì có sao?

Nay các Tỷ-kheo, khi phục vụ, cộng sự, thân cận những Tỷ-kheo như vậy, thời giới uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, định uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, tuệ uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, giải thoát uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ đi đến được tu tập đầy đủ. Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo như vậy được gọi là những bậc Đạo sư, được gọi là những người dẫn đầu đoàn lữ hành, được gọi là những vị đã từ bỏ những nguyên nhân tác hại, được gọi là những vị quét sạch tối tăm, được gọi là những vị tác thành minh, được gọi là những vị tác thành quang, được gọi là những vị tác thành ánh sáng, được gọi là những vị cầm bó đuốc, được gọi là những vị phóng quang, được gọi là những bậc Thánh, được gọi là những người có mắt.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Đây là căn cứ địa,	Tạo ra sự khinh an,
Chính nhờ hiểu biết vậy,	Tức là đối tự ngã,
Những vị có tu tập,	Là những bậc Hiền Thánh,
Sống đúng theo Chánh pháp,	Họ chói sáng Diệu pháp,
Họ nói lên Diệu pháp,	Họ phóng được hào quang,
Là những bậc có trí,	Tác thành ra ánh sáng,
Họ là người có mắt,	Họ từ bỏ nguyên nhân,
Tạo ra điều tác hại,	Bậc trí với chánh trí,
Nghe lời dạy vị ấy,	Do thắng tri sanh diệt,
Không đi đến tái sanh.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§6. KINH ÁI SANH (*Tanhuppādasutta*)³ (It. 109)

105. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái, ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Do nhân y áo, này các Tỷ-kheo, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo. Do nhân đồ ăn khát thực, này các Tỷ-kheo, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo. Do nhân sàng tọa, này các Tỷ-kheo, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo. Do nhân sanh hữu, không sanh hữu, này các Tỷ-kheo, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo. Nay các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái, ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Người có ái làm bạn,	Bị luân hồi dài dài,
Nó không vượt luân hồi,	Đời này qua đời khác.
Do biết nguy hại vậy,	Ái tác thành ra khổ,
Không còn có khát ái,	Không còn có chấp trước,
Vị Tỷ-kheo chánh niệm,	Du hành khắp đó đây.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§7. KINH CÓ PHẠM THIÊN (*Sabrahmakasutta*)⁴ (It. 109)

106. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có Phạm thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có các vị thiên đầu tiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có các đạo sư đầu tiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được xem như có các bậc đáng được cúng dường.

Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các vị thiên đầu tiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các đạo sư đầu tiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các bậc đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì có sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

³ Xem It. 8, *Tanhāsamyojanasutta* (Kinh Ái kiết sử); A. II. 10, *Tanhuppādasutta* (Kinh Ái sanh); Sn. 139, *Dvayatānupassanāsutta* (Kinh Hai tùy quán); J. IV. 351, *Mahāvāṇijāṭaka* (Chuyện vị đại thương nhân), số §493.

⁴ Xem S. I. 181, *Mātuposakasutta* (Kinh Mātuposaka); A. I. 132, *Sabrahmasutta* (Kinh Có Phạm thiên); A. II. 70, *Brahmasutta* (Kinh Phạm thiên); J. V. 317, *Soṇanandajāṭaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532.

Mẹ cha gọi Phạm thiên,	Bậc đạo sư đầu tiên,
Xứng đáng để con cháu,	Thương yêu và cúng dường.
Do vậy bậc Hiền triết,	Đánh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn đồ uống,	Vải mặc và giường nằm,
Thoa bóp cả thân mình,	Tắm rửa cả chân tay.
Với sở hành như vậy,	Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,	Đời sau hưởng thiên lạc.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§8. KINH RẤT CÓ LỢI ÍCH (*Bahukārasutta*)⁵ (It. 111)

107. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Đây các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn gia chủ rất có lợi ích cho các ông, chính họ đã sắp đặt y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh cho các ông. Đây các Tỷ-kheo, các ông cũng rất có lợi ích cho các người Bà-la-môn gia chủ, vì các ông thuyết pháp cho họ; pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Như vậy, đây các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống, do tương duyên với nhau, với mục đích vượt qua dòng nước mạnh, đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Có nhà và không nhà,	Cả hai nương tựa nhau,
Chứng đạt được Diệu pháp,	Ách an ổn vô thượng.
Từ các vị có nhà,	Vị không nhà nhận được,
Y áo, các vật dụng,	Giường nằm và chỗ ngồi,
Nhờ vậy tránh khỏi được,	Các nguy hiểm nhọc nhằn.
Các vị trú gia đình,	Ước mong có gia đình,
Nương tựa bậc Thiện Thệ,	Lòng tin bậc Ứng Cúng,
Lòng tin Thánh trí tuệ;	Họ tu tập thiền định.
Ở đây hành trì pháp,	Con đường đến cõi lành,
Hân hoan trong thiên giới,	Họ sống được hoan hỷ,
Như điều họ mong muốn.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§9. KINH LỪA ĐẢO (*Kuhasutta*)⁶ (It. 112)

108. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

⁵ Xem A. I. 152, *Pabbatarājasutta* (Kinh Vua Tuyệt sơn); A. III. 44, *Mahāsālaputtasutta* (Kinh Cây Sa-la lớn).

⁶ Xem A. II. 26, *Kuhasutta* (Kinh Kẻ lừa dối).

– Nay các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo nào lừa đảo, ngoan cố, lăm mồm lăm miệng, buông thả, hỗn hào, vô lễ, không định tĩnh, nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không phải đệ tử của Ta; nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy rơi khỏi Pháp và Luật này; và nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này. Và nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa đảo, không ngoan cố, không lăm mồm lăm miệng, nghiêm trang, khéo định tĩnh, nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy là đệ tử của Ta; nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không rơi khỏi Pháp và Luật này; và nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Lừa đảo và ngoan cố,	Lăm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,	Những hạng người như vậy,
Không lớn mạnh trong pháp,	Được bậc Chánh giác giảng.
Không lừa đảo, lăm mồm,	Nghiêm trang và bình tĩnh,
Không ngoan cố, khéo định,	Họ lớn mạnh trong pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.	

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§10. KINH DÒNG SÔNG (*Nadīsotasutta*) (It. 113)

109. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp đẽ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: “Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp đẽ, dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ la-sát, nếu ông đến chỗ ấy, ông sẽ bị chết hay đau khổ gần như chết.” Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền nỗ lực dùng tay và chân bơi ngược dòng.

Nay các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau: Dòng sông, nay các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với ái. Sắc khả ái, dễ thương, nay các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Cái hồ ở dưới, nay các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm hạ phần kiết sử. Sóng, nay các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với phần nộ, ưu não. Nước xoáy, nay các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục tăng trưởng. Cá sấu và quỷ la-sát, nay các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với đàn bà. Ngược dòng, nay các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa xuất ly. Nỗ lực dùng tay và chân là đồng nghĩa với tinh cần tinh tấn. Người có mắt đứng trên bờ, nay các Tỷ-kheo, là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Cùng với sự đau khổ,	Hãy từ bỏ các dục,
Mong cầu trong tương lai,	An ổn khỏi khổ ách;

Chon chánh hiểu biết rõ,
 Tại đây ở tại đây,
 Vị ấy đạt hiểu biết,
 Đến tận cùng thế giới,
 Vị ấy được gọi vậy.

Tâm khéo được giải thoát,
 Chứng đạt được giải thoát;
 Phạm hạnh được thành tựu,
 Đến được bờ bên kia,

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§11. KINH HÀNH (*Carasutta*)⁷ (It. 115)

110. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi, khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm; và nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến không hiện hữu, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tâm, không có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng... khi đang ngồi... khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm; và nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến không hiện hữu, nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị không có nhiệt tâm, không có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi, khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm; và nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu, thì nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi, có sở hành như vậy, vị ấy là có nhiệt tình, có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng. Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng... Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức, khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm; và nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu thì nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị có nhiệt tâm, có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Khi đi hoặc khi đứng,
 Khởi lên ác tâm tư,
 Thực hành theo ác đạo,
 Vị Tỷ-kheo như vậy,
 Ai khi đi khi đứng,

Khi ngồi hay khi nằm,
 Liên hệ đến gia đình,
 Mờ ám bởi si mê,
 Không chứng Vô thượng giác.
 Khi ngồi hay khi nằm,

⁷ Xem A. II. 13, *Carasutta* (Kinh Hành).

Tập trung được tâm tư, Ưa thích tâm chỉ tịnh,
 Vị Tỷ-kheo như vậy, Chứng được Vô thượng giác.
 Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

§12. KINH ĐẦY ĐỦ GIỚI (*Sampannasīlasutta*)⁸ (It. 118)

111. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

– Nay các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ Giới bổn (*Pātimokkha*), được chế ngự với chế ngự Giới bổn; hãy sống đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ Giới bổn, được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp, còn có gì cần phải làm thêm nữa?

Nếu Tỷ-kheo trong khi đi, tham được từ bỏ, sân được từ bỏ, hôn trầm thụ miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đi, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Nếu Tỷ-kheo trong khi đứng... nếu Tỷ-kheo trong khi ngồi... nếu Tỷ-kheo trong khi nằm thức, tham được từ bỏ, sân được từ bỏ, hôn trầm thụ miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú không có thất niệm, thân được khinh an không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đang nằm thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người nhiệt tâm, có sợ hãi tội lỗi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Đi đứng biết tự chế,	Ngồi nằm biết tự chế,
Tỷ-kheo biết tự chế,	Khi co tay duỗi tay,
Phía trên, ngang, cùng khắp,	Xa cho đến cùng tốt,
Bất cứ sanh thú nào,	Ở tại thế giới này,
Khéo quán sát sanh diệt,	Của tất cả pháp, uẩn,
Sống như vậy nhiệt tâm,	Tâm chỉ tịnh đúng pháp,
Tâm an tịnh không động,	Thường xuyên chuyên học tập,
Tâm luôn hướng Niết-bàn,	Tỷ-kheo được gọi vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

⁸ Xem D. III. 207, *Saṅgītisutta* (Kinh Chúng tập), số 33; D. III. 272, *Dasuttarasutta* (Kinh Thập thượng), số 34; A. II. 14, *Sīlasutta* (Kinh Giới); A. V. 23, *Paṭhamanāthasutta* (Kinh thứ nhất về vị hộ trì); A. V. 131, *Ākaṅkhasutta* (Kinh Ước nguyện).

§13. KINH THẾ GIỚI (*Lokasutta*)⁹ (It. 121)

112. Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

–Này các Tỷ-kheo, thế giới được Như Lai chánh đẳng giác, Như Lai không hệ lụy đối với đời. Này các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai đã tu tập.

Cái gì, này các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới với thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người được thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được xúc chạm, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là Như Lai. Này các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm nhập Niết-bàn không có dư y, trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, Ngài được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy nên Ngài được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Chiến Thắng, không bị chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại; do vậy, Ngài được gọi là Như Lai.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

Thắng tri mọi thế giới,	Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,	Không luyến mọi thế giới,
Thắng tất cả, bậc trí,	Giải thoát mọi buộc ràng,
Chứng đạt tối thắng tịnh,	Niết-bàn không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc;	Bậc Giác Ngộ Trí Giả,
Không dao động, nhiều loạn,	Nghi ngờ được chặt đứt,
Đoạn diệt tận mọi nghiệp,	Giải thoát, diệt sanh y.
Là Thế Tôn, là Phật,	Bậc Sư Tử Vô Thượng,
Trong thế giới thiên giới,	Chuyển bánh xe Phạm luân;
Như vậy loài trời, người,	Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau đánh lễ Ngài,	Vĩ đại, đầy tự tin,
Điều phục, bậc Tối Thượng,	Trong người được điều phục;
An tịnh, bậc Ân Sĩ,	Những người được an tịnh;

⁹ Tham chiếu: A. II. 23, *Lokasutta* (Kinh Thế giới); *Thế gian kinh* 世間經 (T.01. 0026.137. 0645b09).

Giải thoát, bậc Tối Thượng,
Vượt qua, bậc Tối Thắng,
Như vậy họ lễ Ngài,
Thiên giới, thế giới này,
Những người được giải thoát;
Những người được vượt qua;
Vĩ đại, đầy tự tin,
Không ai được bằng Ngài.
Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.



